BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 3494 /BKHĐT-HTX	
V/v lấy ý kiến về Dự thảo 2 Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi)	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Liên minh hợp tác xã Việt Nam;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

HỎA TỐC
Đến trước ..... ngày .....

Căn cứ Thông báo kết luận số 906/TB-TTKQH ngày 21/4/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 2 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan chủ trì soạn thảo) đã hoàn thiện dự thảo dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập và các chuyên gia, nhà khoa học. Hồ sơ bao gồm:

(1) Tờ trình Chính phủ về dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi);

(2) Dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

** Hồ sơ dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl) và Cổng thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư (htttp://mpi.gov.vn).*

** Các tài liệu tham khảo bao gồm: Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật HTX (sửa đổi), kèm theo Báo cáo kinh nghiệm quốc tế; Báo cáo tổng kết thi hành Luật HTX năm 2012 được đăng tải trên Cổng thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư (htttp://mpi.gov.vn).*

** Khảo sát trực tuyến đối với một số nội dung có ý kiến khác nhau của dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi) trên trang thông tin điện tử: (https://khaosat.me/survey/khao-sat-mot-so-noi-dung-du-thao-luat-htx-sua-doi-ba09e7d).*

Để tiếp thu được nhiều ý kiến góp ý cho dự thảo Luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan chủ động tổ chức lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

của Luật Hợp tác xã (sửa đổi) theo chức năng, nhiệm vụ của mình, nghiên cứu và góp ý bằng văn bản gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 20/06/2022** *(bản mềm xin gửi vào hòm thư điện tử: cucpthtx@mpi.gov.vn[1]).*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ KHĐT (để có y/k);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Trung tâm tin học Bộ KHĐT (để đăng tải);
- Lưu: VT, PTHTX (P.CS&HTQT).10

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

[1] Mọi ý kiến xin liên hệ với đ/c Phùng Tiến Hùng – chuyên viên Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. ĐT: 0989 294 829.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BKHĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

DỰ THẢO 2

TỜ TRÌNH
Về dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số /2022/QH15 ngày tháng năm 2022 của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023 và điều chỉnh chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2022 và Quyết định số……./QĐ-TTg ngày…. của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan chủ trì soạn thảo) đã dự thảo Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) (sau đây gọi chung là dự án Luật) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ (SỬA ĐỔI)

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Bộ Chính trị giao *"Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã, đặc biệt là Luật Hợp tác xã trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012".*

- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì "*Xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi, bổ sung Luật Hợp tác xã năm 2012 trên cơ sở kết quả tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã*".

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chính phủ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng dự án Luật Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX) sửa đổi, bổ sung Luật HTX năm 2012 để trình Quốc hội trong năm 2022.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật HTX năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 (thay thế Luật HTX năm 2003) đã thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tiếp cận gần hơn với bản chất, giá trị nguyên tắc của HTX trên thế giới. Theo Báo cáo tổng

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012[1], Luật HTX năm 2012 đã bước đầu tác động tích cực đến tổ chức và hoạt động của các HTX. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật HTX năm 2012 còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.

Một là, việc HTX gia nhập, hoạt động, rút khỏi thị trường hiện nay còn gặp nhiều rào cản.

- Quy định về số lượng thành viên tối thiểu khi thành lập HTX (07 thành viên), liên hiệp HTX (04 thành viên) đang cao hơn so với quy định ở một số nước như Hàn Quốc, Đức[2], gây khó khăn cho việc tập hợp đủ số lượng để thành lập. Việc giảm số lượng thành viên tối thiểu khi đăng ký thành lập không làm mất đi đặc trưng của HTX là ưu tiên phát triển thành viên, mà giúp tạo điều kiện thuận lợi cho HTX, liên hiệp HTX gia nhập thị trường và tiếp tục kết nạp mở rộng thành viên trong quá trình hoạt động của mình.

- Quy định về đăng ký thành lập HTX, liên hiệp HTX tại Điều 23 Luật HTX năm 2012 phức tạp, mất nhiều thời gian, như: yêu cầu về Phương án sản xuất kinh doanh của HTX, liên hiệp HTX là không cần thiết, thậm chí can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế này; thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX, liên hiệp HTX trong vòng 05 ngày, trong khi việc đăng ký thành lập doanh nghiệp chỉ mất tối đa 03 ngày.

- Quy định hạn chế tỷ lệ cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX ra bên ngoài chưa bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng với doanh nghiệp, chưa khuyến khích HTX mở rộng sản xuất, kinh doanh khi tham gia thị trường; đồng thời, làm mất đi tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của HTX. Hiện nay, nhiều HTX ở Việt Nam và trên thế giới có xu hướng mở rộng hoạt động tìm kiếm lợi nhuận bên ngoài thị trường giống như doanh nghiệp sau khi đã đáp ứng nhu cầu chung của thành viên. Nhu cầu tự thân của HTX tìm kiếm lợi nhuận là nhu cầu chính đáng để HTX tồn tại, phát triển và mang lại lợi ích gián tiếp cho thành viên HTX.

- Quy định về giải thể phức tạp gây khó khăn cho việc rút khỏi thị trường của các HTX. Điều 54 Luật HTX năm 2012 quy định thành lập Hội đồng giải thể phải đầy đủ thành phần (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, đại diện thành viên), nhưng thực tế nhiều HTX khó thành lập được Hội đồng giải thể này do người đại diện không hợp tác, ốm, mất tích, không liên lạc được…; quy định HTX phải nộp bộ hồ sơ đầy đủ bao gồm con dấu, bản gốc giấy chứng nhận đăng ký HTX nhưng nhiều HTX cũ thành lập trước đây không còn lưu giữ đầy đủ hồ sơ. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012, đến hết năm 2020 có khoảng 2.044 HTX khó khăn trong giải thể do vướng mắc quy định của Luật HTX năm 2012.

---

[1] Tại Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW về kinh tế tập thể và 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012 ngày 15/02/2022 của Chính phủ.

[2] Số lượng thành viên tối thiểu khi thành lập là 05 thành viên đối với HTX và 03 thành viên đối với liên hiệp HTX.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Hai là, chưa bảo đảm nguyên tắc mở cho thành viên khi gia nhập và rút khỏi HTX.

- Quy định tại Điều 13, 15 Luật HTX năm 2012 bắt buộc thành viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ đã hạn chế một số đối tượng trở thành thành viên hoặc không thể tiếp tục là thành viên của HTX như: người muốn đóng góp cho HTX bằng tài sản, vốn đầu tư, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn, uy tín… hoặc thành viên làm việc lâu năm cho HTX đến tuổi nghỉ hưu muốn tiếp tục cống hiến cho HTX. Ngoài ra, quy định điều kiện trở thành thành viên HTX là cá nhân phải từ đủ 18 tuổi trở lên[3], là tổ chức chỉ bao gồm hộ gia đình, pháp nhân đã hạn chế người chưa đủ tuổi vị thành niên và các tổ chức không có tư cách pháp nhân như tổ hợp tác (THT), doanh nghiệp tư nhân được tham gia.

- Luật HTX năm 2012 không phân loại thành viên nhưng thực tế rất nhiều HTX[4] ngoài thành viên chính thức còn có thêm thành viên liên kết là cá nhân, hộ gia đình, THT, doanh nghiệp tham gia hợp tác sản xuất, kinh doanh với HTX. Thành viên liên kết mặc dù đóng góp rất lớn vào HTX như: hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, chế biến, cung cấp và tiêu thụ dịch vụ, sản phẩm nhưng không được pháp luật công nhận, thành viên liên kết không được hưởng lợi ích từ HTX, chưa được giáo dục, định hướng trở thành thành viên chính thức của HTX.

- Quy định về một số trường hợp chấm dứt tư cách thành viên quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 16 Luật HTX năm 2012 phải trình Đại hội thành viên quyết định và quy định tại Điều 51 Luật HTX năm 2012 về trả lại vốn góp cho thành viên chỉ được thực hiện sau khi HTX quyết toán năm tài chính gây khó khăn, mất nhiều thời gian đối với thành viên khi có nhu cầu rút khỏi HTX.

Ba là, chưa quy định đầy đủ các loại hình tổ chức kinh tế hợp tác (sau đây viết tắt là TCKTHT) trong thực tiễn và chưa tạo mối liên hệ, tính liên kết giữa các tổ chức hợp tác với nhau

- THT có cùng bản chất hợp tác, tương trợ và đáp ứng nhu cầu chung của thành viên về kinh tế, văn hóa, xã hội, giống như các HTX. Tuy nhiên, một số quy định tại Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về THT hiện nay gặp phải một số bất cập như: (i) Nhiều tổ chức THT có số thành viên đông lên đến hàng trăm người, có góp vốn, có hoạt động kinh doanh ổn định nhưng không đăng ký, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro trong quan hệ kinh tế trong nội bộ thành viên và với các tổ chức khác, THT không trực tiếp thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước[5]. (ii) Chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho khu vực kinh tế tập thể hiện nay bao gồm THT giống như HTX nhưng Nhà nước không quản lý đăng

---

[3] Luật HTX Singapore quy định cá nhân trở thành thành viên HTX từ 16 tuổi trở lên hoặc 12 tuổi trở lên đối với HTX trường học.

[4] Ví dụ: HTX Nông nghiệp Thanh niên Như Cố ở Bắc Kạn có 11 thành viên nhưng có hơn 100 thành viên liên kết là cá nhân, hộ gia đình. Thành viên liên kết được đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật trồng cây, ưu đãi về giá thu mua, cung cấp sản phẩm cho HTX sơ chế, chế biến, đóng gói tiêu thụ ra bên ngoài thị trường.

[5] Hiện nay, người đại diện hoặc thành viên THT phải đăng ký hộ kinh doanh cá thể để thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

ký gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện. (iii) Thiếu các quy định, chính sách mang tính định hướng cho THT phát triển lên các tổ chức cao hơn như HTX.

- Theo kinh nghiệm quốc tế, ở nhiều quốc gia, Liên đoàn HTX phát triển rất mạnh, vừa là tổ chức kinh tế tham gia các hoạt động kinh tế phục vụ, hỗ trợ thành viên vừa hoạt động như một tổ chức đại diện trong một ngành, lĩnh vực theo chiều dọc (như lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, cung ứng và tiêu dùng, ngân hàng, ngành cá, ngành sữa, kiểm toán...). Một số Liên đoàn HTX lớn trên thế giới như: Liên đoàn HTX Raffeisen (DGRV- CHLB Đức) hoạt động về lĩnh vực kiểm toán, Liên đoàn HTX cung tiêu toàn Trung Quốc (ACFSMC), Liên đoàn quốc gia HTX những nhà bán lẻ thực phẩm (NCG- Mỹ), Liên đoàn quốc gia HTX nông nghiệp Hàn Quốc (NACF), Liên đoàn HTX Thái Lan (CLT)... Vì vậy, việc đưa các loại hình tổ chức này vào quy định trong Luật là rất cần thiết, phù hợp với xu hướng phát triển của phong trào HTX trên thế giới.

- Nguyên tắc thứ 6 của ICA đề cao tính hợp tác giữa các HTX với nhau nhằm tạo ra mối liên kết giữa các TCKTHT từ thấp đến cao, hình thành một hệ sinh thái các TCKTHT. Một số quốc gia như Thái Lan, Đức quy định HTX khi thành lập bắt buộc phải là thành viên của một tổ chức đại diện cho các TCKTHT (Liên minh HTX Thái lan, Liên đoàn HTX Raffeisen). Tuy nhiên, Luật HTX năm 2012 chưa quy định mối quan hệ giữa các loại hình TCKTHT và tổ chức đại diện dẫn đến thực tế nhiều HTX thành lập tự phát, không có sự liên kết với các TCKTHT khác, không được Nhà nước hỗ trợ hoặc thiếu định hướng hoạt động phát huy bản chất HTX.

Bốn là, quy định về cơ cấu, tổ chức, quản lý HTX còn chưa phù hợp.

- Cơ cấu tổ chức HTX quy định hiện nay rất cồng kềnh bao gồm: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị (bộ máy quản lý), Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và Giám đốc/Tổng giám đốc (bộ máy điều hành HTX). Tuy nhiên, trên thực tế có rất nhiều HTX quy mô nhỏ, siêu nhỏ ít thành viên chỉ cần thành lập một bộ máy quản lý kiêm điều hành, trong đó chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc của HTX để tiết kiệm chi phí, hoạt động hiệu quả. Do đó, quy định hiện nay chưa phù hợp với thực tiễn.

- Theo Điều 37, 38 Luật HTX năm 2012, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật duy nhất của HTX gây khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX. Trong khi đó, các doanh nghiệp được phép có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật.

- Nhiều quy định của Luật HTX năm 2012 đã rất lạc hậu so với sự phát triển nhanh, mạnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, môi trường pháp lý chưa thực sự thông thoáng so với Luật Doanh nghiệp như: chưa quy định cụ thể về hình thức tổ chức trực tuyến Đại hội thành viên, chưa quy định hình thức biểu quyết bằng điện tử hoặc gửi kết quả qua đường bưu chính…; quy định về điều kiện tổ chức đại hội thành viên HTX phải có ít nhất 75% tổng số thành viên

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

trong lần thứ nhất triệu tập và 50% tổng số thành viên trong lần thứ hai triệu tập[6]... gây khó khăn, tốn kém chi phí cho HTX khi tổ chức Đại hội thành viên, chưa phù hợp với bối cảnh hiện nay.

- Luật HTX năm 2012 còn nhiều kẽ hở, khoảng trống như: chưa quy định về điều kiện, năng lực Giám đốc/Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát/Kiểm soát viên để đáp ứng yêu cầu công việc, chuyên môn; chưa quy định trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng giám đốc khi ra quyết định trái pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội thành viên; chưa quy định trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt không có người ủy quyền...

- Điều 3 Luật HTX quy định khi HTX, liên hiệp HTX phát triển đến trình độ cao hơn thì sẽ hình thành các doanh nghiệp của HTX, liên hiệp HTX. Quy định này gây nhầm lẫn rằng HTX là mô hình tổ chức ở trình độ thấp của mô hình doanh nghiệp và chưa làm rõ mối quan hệ giữa HTX, liên hiệp HTX với doanh nghiệp do HTX, liên hiệp HTX thành lập.

Năm là, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX còn thiếu minh bạch, chưa bảo đảm độ tin cậy; chế độ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước còn cứng nhắc.

- Luật HTX năm 2012 chưa làm rõ nguyên tắc minh bạch thông tin đối với thành viên của mình. Chưa quy định cụ thể nội dung, hình thức, thời gian cung cấp thông tin cho thành viên.

- Kiểm toán HTX là rất cần thiết nhằm tạo sự minh bạch và phản ánh sức khỏe của HTX cho các thành viên HTX và các đối tác của HTX, giúp Hội đồng quản trị và Ban giám đốc quản lý điều hành hiệu quả, tạo điều kiện để HTX huy động vốn từ các tổ chức tín dụng bên ngoài và là cơ sở để Nhà nước hỗ trợ cho HTX. Luật HTX năm 2012 chưa quy định chi tiết về nội dung kiểm toán, đối tượng kiểm toán, tần suất kiểm toán nên trên thực tế, kiểm toán HTX gần như chưa thực hiện.

- Quy định HTX phải gửi báo cáo về hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới hình thức bản giấy hằng năm cho các cơ quan chức năng của Nhà nước còn cứng nhắc, lạc hậu so với Luật Doanh nghiệp năm 2020, chưa cho phép HTX tự chủ động công bố thông tin lên trang thông tin điện tử của mình.

Sáu là, quy định về tài sản, tài chính của HTX còn nhiều bất cập.

- Tài sản không chia là một đặc trưng riêng của HTX so với loại hình kinh tế khác. Theo nguyên tắc số 04 của ICA thì quỹ chung không chia (hay tài sản chung không chia) cần được trích lập hằng năm nhằm phát triển tài sản chung của HTX, thu hút các thành viên tham gia, gắn bó với HTX, để phát triển phong trào HTX đồng thời cũng hạn chế việc HTX giải thể, chuyển đổi. Tuy nhiên, Điều 48 Luật HTX năm 2012 quy định HTX tự quyết định việc trích một phần quỹ đầu tư

[6] Luật Doanh nghiệp năm 2020 sửa đổi giảm tỷ lệ này xuống 50% tổng số thành viên lần 1 và 33% tổng số thành viên lần 2.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

phát triển để đưa vào "tài sản không chia" dẫn đến thực tế rất ít HTX trích lập tài sản không chia, tài sản không chia của HTX không phát triển, không thu hút được thành viên tham gia vào HTX.

- Luật HTX năm 2012 chưa có quy định khi góp vốn thì các thành viên phải chuyển quyền sở hữu tài sản được dùng để góp vốn của mình sang HTX. HTX là một pháp nhân[7], có tài sản độc lập và chịu trách nhiệm bằng tài sản độc lập đó[8], bởi vậy cần và phải tách bạch tài sản, trách nhiệm của pháp nhân HTX với tài sản của thành viên, trách nhiệm của thành viên pháp nhân đối với hoạt động của pháp nhân[9]. Vì vậy, quy định hiện nay chưa rõ ràng, gây khó khăn trong xử lý tài sản của HTX.

- Khoản 1 Điều 42 Luật HTX năm 2012 quy định tài sản khác góp vốn của thành viên được quy đổi ra Đồng Việt Nam nhưng chưa liệt kê đầy đủ các loại tài sản dùng để góp vốn vào HTX như: vàng, công nghệ, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Bên cạnh đó, loại tài sản góp vốn là "hiện vật" theo quy định hiện hành không tương thích với tài sản là "vật" trong khái niệm tài sản quy định tại Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015[10].

Bảy là, chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước chưa hiệu quả, thiếu trọng tâm.

- Điều 6 Luật HTX năm 2012 chỉ quy định nội dung về hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước cho HTX, chưa đưa ra nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ cụ thể dẫn tới việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả, còn dàn trải, chưa tập trung hỗ trợ cho các hoạt động thể hiện đặc trưng, phát huy bản chất tốt đẹp của loại hình kinh tế hợp tác; chưa khắc phục được tình trạng một số HTX thành lập "trá hình" để trục lợi chính sách.

- Hiện nay, doanh nghiệp nhận được nhiều chính sách hỗ trợ của Nhà nước như: Luật Hỗ trợ doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa, các chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư tại các địa phương (được ưu tiên giao đất, miễn giảm tiền thuê đất...), trong khi HTX ở nước ta hiện nay đa số quy mô còn nhỏ, thành viên là đối tượng yếu thế cần được hỗ trợ và ưu tiên. Do vậy, cần quy định chi tiết hơn, hỗ trợ nhiều hơn, tập trung nguồn lực hơn cho các TCKTHT. Chính sách hỗ trợ cho các TCKTHT phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển kinh tế tập thể của Đảng và Nhà nước[11].

- Luật HTX năm 2012 chưa quy định các chính sách hỗ trợ, phương thức hỗ trợ cụ thể, đặc thù cho HTX (như miễn, giảm thuế đối với giao dịch nội bộ trong HTX, hỗ trợ theo hình thức phi dự án,...), thiếu cơ chế đánh giá, kiểm tra trước khi HTX được hỗ trợ (thông qua công cụ kiểm toán HTX).

---

[7] Khoản 1, 2 Điều 3 Luật HTX năm 2012
[8] Điều 81,87 Bộ luật Dân sự năm 2015
[9] Điều 74, 87 Bộ luật Dân sự năm 2015
[10] Theo đó, tài sản là vật (tuỳ theo cách phân chia) bao gồm vật chính, vật phụ, vật đồng bộ, vật đặc định...; còn tài sản là hiện vật thì không rõ nghĩa.
[11] Theo quan điểm chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5, khóa XIII

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục tiêu

Tạo hành lang pháp lý thông thoáng, loại bỏ các quy định gây trở ngại gia nhập thị trường, phát triển thành viên; bảo đảm và phát huy đặc trưng, nguyên tắc cơ bản của HTX; tạo điều kiện thuận lợi để các TCKTHT phát triển năng động, hiệu quả, bền vững, thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất HTX, thu hút nhiều thành phần, đối tượng tham gia vào khu vực kinh tế tập thể, giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của các thành viên và góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

2. Quan điểm

Một là, bám sát và thể chế hóa đầy đủ quan điểm của Đảng tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX ở nước ta trong thời gian tới.

Hai là, kế thừa và phát triển các quy định của Luật HTX năm 2012 còn phù hợp, đang có hiệu lực, hiệu quả, đồng thời giữ vững các nguyên tắc cơ bản của HTX do Liên minh HTX quốc tế (ICA) đưa ra trong thế kỷ 21.

Ba là, phù hợp với thực tiễn và đòi hỏi phát triển của khu vực kinh tế tập thể, các TCKTHT trên cơ sở tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm quốc tế, phù hợp với xu thế vận động và phát triển của các tổ chức kinh tế hợp tác trong bối cảnh mới.

Bốn là, xây dựng một Luật chung thống nhất cho các đối tượng trong khu vực kinh tế tập thể, lấy đối tượng HTX là trung tâm, đối xử bình đẳng như các tổ chức kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70/KL-TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức soạn thảo dự án Luật HTX (sửa đổi) theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), cụ thể:

1. Từ tháng 8/2021 đến 2/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thường trực Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã) triển khai Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX: xây dựng kế hoạch và đề cương, tổng hợp báo cáo của 10 bộ, ngành, cơ quan Trung ương và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, 20 báo cáo chuyên đề, tổ chức 12 hội thảo chuyên gia, 03 cuộc khảo sát thực tế. Ngày 15/02/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến toàn quốc Tổng kết 20 năm triển khai thực

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hiện Nghị quyết số 13/NQ-TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012.

2. Từ tháng 02-5/2022: sau khi Đề nghị xây dựng Luật HTX (sửa đổi) được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/02/2022 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 2 năm 2022, để bảo đảm tiến độ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương triển khai xây dựng hồ sơ dự án Luật, bao gồm: dự thảo dự án Luật với sự cộng tác của chuyên gia từ Bộ Tư pháp, trường Đại học Luật Hà Nội; khảo sát một số THT, HTX, liên hiệp HTX tại Hà Nội, Thanh Hóa; nghiên cứu, dịch các tài liệu trong nước và nước ngoài; tổ chức 04 hội thảo lấy ý kiến của các nhà quản lý, nhà khoa học, các chuyên gia, các HTX, liên hiệp HTX, THT về các nội dung dự thảo Luật; thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật, tổ chức họp lấy ý kiến thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập. Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng bộ câu hỏi khảo sát, lấy ý kiến thành viên các TCKTHT, nhân dân về một số nội dung sửa đổi Luật trên trang thông tin điện tử[12].

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về bố cục

Luật này bổ sung đối tượng điều chỉnh gồm THT và Liên đoàn HTX, bãi bỏ 04 Điều[13], sửa đổi 70[14] Điều, bổ sung 50 Điều *(trong đó có 04 Chương về Liên đoàn HTX (03 Điều), THT (09 Điều), Kiểm toán (04 Điều) và Chính sách hỗ trợ (06 Điều))* và được thiết kế gồm 05 Phần, 15 Chương, 120 Điều[15], cụ thể như sau:

i) Phần thứ nhất: Quy định chung của Luật, gồm 1 chương, 8 điều từ Điều 1 đến Điều 8.

ii) Phần thứ hai: TCKTHT có tư cách pháp nhân[16] (sau đây viết tắt là TCKTHTCTCPN), bao gồm nhóm các điều quy định chung, thành lập, tổ chức quản lý, tài sản, tài chính; nhóm các điều quy định riêng cho HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX; tổ chức lại, giải thể, phá sản và kiểm toán. Bao gồm 9 chương, 90 điều từ Điều 9 đến Điều 98.

iii) Phần thứ ba: THT, bao gồm nhóm các điều quy định chung về THT, thành lập và chấm dứt hoạt động, tổ chức và điều hành THT. Bao gồm 1 chương, 9 điều từ Điều 99 đến Điều 107.

iv) Phần thứ tư: Các tổ chức đại diện, bao gồm quy định về tổ chức đại diện và liên minh HTX, gồm 1 chương, 3 điều từ Điều 108 đến Điều 110.

---

[12] https://khaosat.me/survey/khao-sat-mot-so-noi-dung-du-thao-luat-htx-sua-doi-ba09e7d
[13] Các Điều 22, 61, 63, 64.
[14] Sửa đổi 60 Điều của Luật HTX năm 2012, trong đó 10 Điều tách ra thành 20 Điều. Tổng cộng có 70 Điều.
[15] Luật HTX năm 2012 bao gồm 11 Chương, 64 Điều
[16] TCKTHT có tư cách pháp nhân bao gồm HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

v) Phần thứ năm: Chính sách hỗ trợ và quản lý nhà nước đối với các TCKTHT, bao gồm nhóm các điều quy định về chính sách hỗ trợ, quản lý nhà nước và điều khoản thi hành. Bao gồm 3 chương, 10 điều từ Điều 111 đến Điều 120.

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Luật HTX (sửa đổi) đã bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và cụ thể hóa 05 nhóm chính sách tại đề nghị xây dựng dự án Luật đã được thông qua như sau:

Một là, nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về bản chất HTX, phát triển thành viên HTX, bao gồm: Xây dựng nguyên tắc mở đối với thành viên tham gia HTX cho cả đối tượng là công dân dưới 18 tuổi, doanh nghiệp tư nhân, THT; bổ sung và khuyến khích phát triển các thành viên liên kết của HTX để mở rộng các hoạt động hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh, hỗ trợ, góp vốn, góp sức lao động (bao gồm người hết tuổi lao động có thể đóng góp bằng kinh nghiệm, trí tuệ) đóng góp cho HTX phát triển; thành viên liên kết chỉ cần đáp ứng một trong các điều kiện về góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX, hoặc góp sức lao động cho HTX, không tham gia biểu quyết, quản lý, điều hành HTX; khuyến khích HTX quan tâm đến phát triển cộng đồng; nâng cao nguyên tắc minh bạch thông tin HTX thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo thông tin cung cấp đến thành viên nhanh chóng, chính xác, bảo vệ lợi ích cho thành viên; chú trọng công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động của HTX. Các nội dung này được cụ thể hóa tại quy định nguyên tắc tổ chức, hoạt động của TCKTHT, điều kiện trở thành thành viên, quyền và nghĩa vụ của thành viên liên kết, chế độ báo cáo cung cấp thông tin của TCKTHT.

Hai là, nhóm chính sách về mở rộng phạm vi điều chỉnh và hoàn thiện các quy định về loại hình TCKTHT, tổ chức đại diện, bao gồm: Bổ sung đối tượng điều chỉnh của Luật gồm THT hoạt động lâu dài có đăng ký thành lập, Liên đoàn HTX; hoàn thiện các quy định để làm rõ vị trí và vai trò tổ chức Liên minh HTX Việt Nam phù hợp với bản chất, các quy định hiện hành và hội nhập với thế giới; hoàn thiện quy định phân loại HTX theo hướng phù hợp với công tác quản lý Nhà nước. Các nội dung này được cụ thể hóa tại các Chương về THT, liên đoàn HTX và tổ chức đại diện, liên minh HTX.

Ba là, nhóm chính sách về mở rộng thị trường, nâng cao khả năng huy động vốn, tạo động lực cho HTX phát triển, bao gồm: Sửa đổi quy định giao dịch của HTX, liên hiệp HTX với các đối tượng không phải thành viên theo hướng điều lệ HTX, liên hiệp HTX tự quyết định, sau khi đáp ứng nhu cầu của thành viên; bổ sung các quy định lợi nhuận thu được từ giao dịch bên ngoài được trích lập quỹ chung không chia và phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp giống như doanh nghiệp, giao dịch nội bộ HTX, liên hiệp HTX được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; tăng tỷ lệ vốn góp của thành viên theo thông lệ thế giới; bổ sung quy định cho phép thành viên giao dịch, chuyển nhượng vốn góp; bổ sung quy định cho phép HTX, liên hiệp HTX sử dụng quỹ chung không chia, nguồn

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

vốn hình thành tài sản chung không chia tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, ngoại trừ quyền sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê; sửa đổi các quy định về phân phối thu nhập. Các nội dung này được cụ thể hóa tại quy định về quyền và nghĩa vụ của TCKTHT; góp vốn, chuyển nhượng vốn góp; trích lập quỹ chung không chia, phân phối thu nhập; quản lý, sử dụng các quỹ; xử lý tài sản và vốn khi TCKTHT giải thể; chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho các TCKTHT.

Bốn là, nhóm chính sách về hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành HTX, bao gồm: Bổ sung một chương riêng về kiểm toán, trong đó quy định về kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn kiểm toán HTX, liên hiệp HTX thế giới, pháp luật về kiểm toán ở nước ta; hoàn thiện các quy định về bộ máy, tổ chức của HTX, liên hiệp HTX cho phép HTX, liên hiệp HTX có nhiều người đại diện theo pháp luật; hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy quản lý, điều hành, về trách nhiệm, điều kiện năng lực của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; hoàn thiện quy định về tổ chức đại hội thành viên về hình thức tổ chức, tham dự, bỏ phiếu trực tuyến, điện tử, gửi phiếu biểu quyết qua dịch vụ bưu chính, HTX thành viên trong liên hiệp HTX được phép bầu nhiều phiếu.... Các nội dung này được cụ thể hóa tại các Chương tổ chức quản lý và Kiểm toán TCKTHTCTCPN, quy định về quyền của thành viên liên hiệp HTX.

Năm là, nhóm chính sách về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế tập thể, bao gồm: Hoàn thiện các quy định theo hướng tạo điều kiện cho các TCKTHT gia nhập cũng như rút lui khỏi thị trường, tăng cường "hậu kiểm" và tạo sân chơi bình đẳng với doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hoàn thiện các quy định về chính sách hỗ trợ của Nhà nước tại một chương riêng theo hướng bổ sung nguyên tắc, tiêu chí thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm phát huy bản chất HTX trên cơ sở báo cáo kiểm toán của HTX, liên hiệp HTX; thống nhất các quy định về nội dung chính sách hỗ trợ đang quy định dàn trải; bổ sung chính sách hỗ trợ của Nhà nước thúc đẩy THT phát triển lên HTX. Các nội dung này được cụ thể hóa tại Chương thành lập; tổ chức lại, giải thể, phá sản TCKTHTCTCPN; quản lý nhà nước và chính sách hỗ trợ đối với TCKTHT.

Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, các nhóm chính sách sửa đổi, dự án Luật bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

2.1. Những quy định chung của Luật

- Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh: Được sửa đổi theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh, bổ sung đối tượng THT và liên đoàn HTX. Các TCKTHT bao gồm: THT, HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Về Áp dụng Luật này và luật khác: Được bổ sung nhằm giải quyết sự chồng chéo các quy định áp dụng cho Quỹ tín dụng nhân dân đang chịu điều chỉnh đồng thời của Luật HTX và Luật Các tổ chức tín dụng.

- Về giải thích từ ngữ: Sửa đổi, chuẩn hóa 07 thuật ngữ, bổ sung 26 thuật ngữ để phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

- Về các hành vi bị nghiêm cấm: Sửa đổi tách biệt quy định đối với cơ quan quản lý nhà nước và các TCKTHT, trong đó bổ sung các hành vi bị cấm liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức.

- Về phân loại THT, HTX, liên hiệp HTX: Bổ sung quy định phân loại theo quy mô số lượng thành viên, doanh thu và tổng nguồn vốn trong từng lĩnh vực hoạt động của THT, HTX, liên hiệp HTX.

2.2. Quy định về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

Phần thứ hai này quy định về các TCKTHTCTCPN, trong đó nội dung được thiết kế từ nhóm những quy định chung đến những quy định riêng cho từng đối tượng.

a) Những quy định chung

- Về nguyên tắc tổ chức hoạt động: Sửa đổi, làm rõ các nội dung theo 07 nguyên tắc do tổ chức Liên minh HTX quốc tế (ICA) quy định hiện nay.

- Về quyền và nghĩa vụ của TCKTHTCTCPN: Sửa đổi quy định giới hạn tỷ lệ giao dịch bên ngoài do Điều lệ của TCKTHTCTCPN quy định[17], nếu pháp luật chuyên ngành không có quy định; bổ sung TCKTHTCTCPN được quyền yêu cầu thành viên cung cấp nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ để lên kế hoạch sản xuất kinh doanh; bổ sung nghĩa vụ TCKTHTCTCPN phải tham gia là thành viên của liên minh HTX, phải có nghĩa vụ kết nạp thành viên khi đủ điều kiện.

- Về chế độ báo cáo, công bố thông tin, lưu giữ tài liệu: Sửa đổi, bổ sung nhóm quy định theo hướng TCKTHTCTCPN tự công bố những thông tin cơ bản, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm lên cổng thông tin của mình; quy định rõ nội dung, hình thức, thời gian phải cung cấp thông tin cho thành viên nhằm minh bạch hóa thông tin của HTX.

- Về góp vốn thành lập TCKTHTCTCPN: Bổ sung quy định trách nhiệm của thành viên khi chưa góp vốn, chưa góp đủ vốn trong thời gian cam kết.

- Về chuyển nhượng vốn góp: Bổ sung quy định cho phép thành viên chuyển nhượng vốn góp với nhau và được TCKTHTCTCPN xác nhận.

b) Thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

- Về sáng lập viên: Bổ sung quy định sáng lập viên liên hệ với liên minh HTX để được tư vấn, hỗ trợ thành lập.

[17] Luật HTX năm 2012 quy định Chính phủ chi tiết, Nghị định 107/NĐ-CP quy định tỷ lệ không quá 50%.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Về nội dung Điều lệ: Bổ sung một số nội dung bắt buộc ghi trong Điều lệ, như mức phí thành viên liên kết; số lượng, quyền và nghĩa vụ người đại diện; mức tối thiểu của tỷ lệ giao dịch bên trong; điều kiện chấm dứt thành viên liên kết,...

- Về nhóm quy định về đăng ký thành lập TCKTHTCTCPN: Sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành trên cơ sở cắt giảm thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin như: bỏ yêu cầu về Phương án sản xuất kinh doanh, sử dụng số định danh cá nhân; bổ sung phương thức đăng ký qua dịch vụ bưu chính, mạng thông tin điện tử; thời gian đăng ký rút từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc; bổ sung quy định về mã số của TCKTHTCTCPN ghi trên giấy chứng nhận đăng ký; công bố nội dung thông tin đăng ký công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký TCKTHT và cho cơ quan quản lý nhà nước; TCKTHTCTCPN tự quyết định về dấu.

c) Tổ chức quản lý tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

- Về người đại diện: Bổ sung quy định TCKTHTCTCPN được phép có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật.

- Về tổ chức Đại hội thành viên: Bổ sung quyền và nghĩa vụ của Đại hội thành viên; Giảm điều kiện số lượng thành viên chính thức tối thiểu được tổ chức Đại hội đại biểu[18], tỷ lệ số lượng thành viên tham dự để tiến hành đại hội[19], tổ chức hội nghị trực tuyến; hình thức tham dự của đại biểu (trực tiếp, ủy quyền hoặc trực tuyến), bỏ phiếu biểu quyết điện tử; giảm tỷ lệ số lượng đại biểu biểu quyết tán thành một số nội dung chính trong Đại hội thành viên nhằm tạo điều kiện để tổ chức Đại hội thành viên một cách dễ dàng hơn, phù hợp với bối cảnh mới và tương ứng với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Về quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc): bổ sung trách nhiệm cá nhân khi ra quyết định trái với thẩm quyền, nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc trong trường hợp vắng mặt.

- Về ban kiểm soát: bổ sung quy định TCKTHTCTCPN có quy mô siêu nhỏ, nhỏ có thể lựa chọn Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát; bổ sung quyền hạn và nhiệm vụ: rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm.

- Bổ sung quy định điều kiện, tiêu chuẩn một số chức danh quản lý kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát), Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành.

d) Tài sản, tài chính

---

[18] Giảm từ 100 xuống 50 thành viên so với Luật HTX năm 2012.

[19] Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất từ 75% xuống 50% tổng số thành viên tham dự khi triệu tập lần 1 và 50% xuống 33% tổng số thành viên tham dự khi triệu tập lần 2 so với Luật HTX năm 2012.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Về nhóm quy định chung liên quan đến vốn góp: sửa đổi, làm rõ quy định góp vốn bằng "hiện vật", bổ sung quy định thành viên phải chuyển quyền sở hữu đối với phần vốn góp cho TCKTHTCTCPN, quy định về định giá vốn góp.

- Về huy động vốn: làm rõ quy định TCKTHTCTCPN được phép hoạt động tín dụng nội bộ; huy động vốn vay từ cá nhân, tổ chức bên ngoài nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định; hỗ trợ của Nhà nước được tính vào quỹ chung không chia hoặc tài sản chung không chia.

- Về góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp: bổ sung quy định chi tiết về điều kiện, thủ tục TCKTHTCTCPN góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp và mối quan hệ của TCKTHTCTCPN với các doanh nghiệp này.

- Về nhóm quy định tài chính: bổ sung quy định hạch toán kế toán riêng giao dịch bên trong và giao dịch bên ngoài; trích lập quỹ chung không chia hằng năm do quỹ này mang tính đặc thù riêng của các TCKTHTCTCPN, trong đó có phần để lại từ phần miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giao dịch nội bộ; phân phối thu nhập do Điều lệ quy định; đối với tài sản chung không chia lạc hậu công nghệ, bị hư hỏng không thể sửa chữa, hết khấu hao thì TCKTHTCTCPN được phép chuyển nhượng, thanh lý theo quy định và đưa vào quỹ chung không chia.

- Về xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia: Sửa đổi, bổ sung quy định Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương tham gia xử lý khi nhận được thông báo giải thể tự nguyện hoặc bắt buộc từ TCKTHTCTCPN hoặc cơ quan đăng ký hoặc Tòa án. Cơ quan này sẽ tiếp nhận quỹ chung không chia, tài sản chung không chia để bàn giao cho TCKTHT khác hoặc liên minh HTX hoặc tổ chức khác hoạt động vì mục tiêu lợi ích cộng đồng dân cư trên địa bàn. Chính phủ quy định Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

đ) Hợp tác xã

Ngoài các quy định chung của TCKTHTCTCPN, Chương này quy định riêng một số nội dung đối với đối tượng HTX:

- Về định nghĩa HTX: giảm số lượng thành viên tối thiểu thành lập từ 07 xuống 05 thành viên để tạo điều kiện HTX dễ dàng thành lập, bổ sung HTX thành lập vì mục đích xây dựng cộng đồng các TCKTHT ngày một lớn mạnh, bền vững. HTX là thành viên của liên minh HTX ngay sau khi thành lập.

- Về thành viên HTX: thành viên chính thức và thành viên liên kết của HTX là cá nhân, pháp nhân trong đó cá nhân từ 15 tuổi trở lên[20], đại diện của THT, hộ gia đình và tổ chức không có tư cách pháp nhân khác. Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ thành viên liên kết, trong đó quy định thành viên liên kết không được quyền biểu quyết và tham gia hội đồng quản trị. Luật không quy định thời gian tối thiểu sử dụng sản phẩm dịch vụ mà Điều lệ HTX quy định, việc chấm dứt tư cách thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.

---

[20] Người từ 15 tuổi trở lên được tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Về góp vốn của thành viên HTX: tăng tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên từ 20% lên 30% vốn điều lệ; bổ sung quy định thành viên liên kết được phép góp vốn nhưng tổng tất cả vốn góp của thành viên liên kết có góp vốn không quá 30% vốn điều lệ.

- Về cơ cấu tổ chức HTX: HTX quy mô siêu nhỏ[21] được phép lựa chọn cơ cấu tổ chức: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị trong đó thành viên trong Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, không bắt buộc phải thành lập Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

e) Liên hiệp hợp tác xã

Ngoài các quy định chung của TCKTHTCTCPN, Chương này quy định riêng một số nội dung đối với liên hiệp HTX:

- Về định nghĩa liên hiệp HTX: giảm số lượng thành viên tối thiểu thành lập là 03 thành viên để tạo điều kiện cho liên hiệp HTX dễ dàng thành lập; bổ sung liên hiệp HTX thành lập vì mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường và xây dựng cộng đồng các TCKTHT ngày một lớn mạnh, bền vững. Liên hiệp HTX là thành viên của liên minh HTX ngay sau khi thành lập.

- Về thành viên liên hiệp HTX: thành viên chính thức là HTX, thành viên liên kết là pháp nhân. Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ thành viên liên kết. Trong đó, thành viên liên kết không được quyền biểu quyết và tham gia Hội đồng quản trị; thành viên chính thức có quyền biểu quyết tại Đại hội thành viên, số lượng phiếu biểu quyết tương ứng theo số lượng thành viên chính thức của các HTX thành viên trong liên hiệp HTX dơ Điều lệ quy định. Luật không quy định về thời gian tối thiểu sử dụng sản phẩm dịch vụ, mà Điều lệ liên hiệp HTX tự quy định việc chấm dứt tư cách thành viên và trách nhiệm thuộc về Hội đồng quản trị quyết định[22].

- Về góp vốn của thành viên liên hiệp HTX: tăng tỷ lệ vốn góp tối đa của thành viên từ 30% lên 40% vốn điều lệ.

- Về cơ cấu tổ chức liên hiệp HTX: liên hiệp HTX quy mô siêu nhỏ được phép lựa chọn cơ cấu tổ chức: Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị trong đó thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, có thể lựa chọn thành lập Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

g) Liên đoàn hợp tác xã

Ngoài các quy định chung của TCKTHTCTCPN, Chương này quy định riêng một số nội dung đối với đối tượng liên đoàn HTX:

- Về định nghĩa liên đoàn HTX: Liên đoàn HTX là TCKTHT có quy mô cấp vùng, cấp quốc gia hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhất định, do ít nhất

---

[21] Việc phân loại THT, HTX, liên hiệp HTX theo quy mô siêu nhỏ, nhỏ, vừa và lớn do Chính phủ quy định.

[22] Luật HTX năm 2012 quy định trách nhiệm chấm dứt tư cách thành viên của HTX, liên hiệp HTX thuộc về Đại hội thành viên gây khó khăn, mất thời gian cho việc thành viên rút khỏi HTX, liên hiệp HTX.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

05 liên hiệp HTX, HTX tự nguyện thành lập nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và năng lực xuất-nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu thành viên, đồng thời hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho thành viên của mình.

- Về thành viên liên đoàn HTX: bao gồm thành viên chính thức là các HTX, liên hiệp HTX và thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân hoặc không có tư cách pháp nhân.

- Về quyền và nghĩa vụ của liên đoàn: ngoài các quyền và nghĩa vụ chung của TCKTHTCTCPN thì liên đoàn còn được quy định bổ sung quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện cho thành viên của mình.

- Chính phủ quy định chi tiết về quyền, nghĩa vụ thành viên của liên đoàn HTX.

h) Tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

- Quy định chi tiết về tổ chức lại TCKTHTCTCPN bao gồm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập theo hướng chặt chẽ hơn.

- Về giải thể tự nguyện TCKTHTCTCPN: Bỏ quy định bắt buộc thành lập hội đồng giải thể, thay vào đó Hội đồng quản trị TCKTHTCTCPN trực tiếp, chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện giải thể sau khi có nghị quyết của Đại hội thành viên; sửa đổi đăng tải thông tin về việc giải thể lên cổng thông tin đăng ký TCKTHT, bỏ quy định bắt buộc đăng báo địa phương 03 số liên tiếp.

- Về giải thể bắt buộc TCKTHTCTCPN: Bỏ quy định thành lập hội đồng giải thể. Cơ quan đăng ký TCKTHT ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký TCKTHT và đăng tải thông tin giải thể lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký TCKTHT trong thời gian 180 ngày trước khi xóa tên đăng ký. Trong thời gian đó, Hội đồng quản trị của TCKTHTCTCPN phải có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện giải thể, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện đúng quy định. Chính phủ quy định chi tiết đối với các trường hợp HTX, liên hiệp HTX vướng mắc giải thể trước đây.

- Bổ sung các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể TCKTHTCTCPN như cất giấu, tẩu tán tài sản…; Sửa đổi các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký TCKTHTCTCPN.

i) Kiểm toán tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

Bổ sung Chương về kiểm toán TCKTHTCTCPN, trong đó quy định những nội dung kiểm toán đặc thù đối với TCKTHTCTCPN so với luật kiểm toán hiện hành:

- Về đối tượng phải kiểm toán: Bổ sung quy định các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán như: HTX, liên hiệp HTX có quy mô vừa, lớn và liên đoàn HTX; các TCKTHTCTCPN hoạt động tín dụng nội bộ...

- Về nội dung kiểm toán TCKTHTCTCPN: theo quy định, chuẩn mực kiểm toán hiện hành như doanh nghiệp; kiểm toán nội bộ TCKTHTCTCPN được Nhà nước khuyến khích thực hiện cho mọi đối tượng; các đối tượng bắt buộc phải kiểm toán của Luật này được Nhà nước hỗ trợ trong một khoảng thời gian nhất định.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Về sử dụng báo cáo kiểm toán: bổ sung mục đích báo cáo kiểm toán để công bố, minh bạch thông tin cho thành viên và cơ quan quản lý nhà nước; căn cứ để Nhà nước xem xét hỗ trợ.

- Về phạm vi và tần suất kiểm toán: quy định đối tượng, tần suất, nội dung kiểm toán bắt buộc cho từng đối tượng cụ thể.

2.3. Tổ hợp tác

Quy định các nội dung cơ bản về THT (như: khái niệm, quyền và nghĩa vụ của THT, thành viên, thành lập, đăng ký, tổ chức, tài sản và tài chính, chấm dứt hoạt động THT và xử lý tài sản chung của THT) trên cơ sở nội dung của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về THT trong đó có sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau đây:

- Về thành viên THT: làm rõ quy định điều kiện thành viên tham gia THT phải từ 15 tuổi trở lên giống như điều kiện tham gia thành viên HTX.

- Về đăng ký THT: Bổ sung quy định đối với THT có thời gian hợp tác từ 06 tháng hoặc có góp vốn (tài sản chung) thì THT phải đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để Nhà nước quản lý, hỗ trợ, định hướng phát triển THT lên tổ chức cao hơn.

- Về chấm dứt hoạt động, chuyển đổi THT: Bổ sung quy định những THT có đăng ký phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh khi chấm dứt hoạt động; Bổ sung quy định THT có thể được phép chuyển đổi thành HTX.

2.4. Các tổ chức đại diện

- Sửa đổi, bổ sung quy định rõ liên minh HTX là tổ chức đại diện, bảo vệ lợi ích cho thành viên.

2.5. Chính sách hỗ trợ và quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế hợp tác

a) Chính sách hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế hợp tác

Bổ sung một Chương riêng quy định về chính sách hỗ trợ đối với TCKTHT trên cơ sở bổ sung, hoàn thiện từ Điều 6 Luật HTX năm 2012, tham khảo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định, chính sách khác có liên quan, cụ thể:

- Bổ sung nguyên tắc thực hiện hỗ trợ; bổ sung quy định lựa chọn đối tượng được hỗ trợ phải tuân thủ pháp luật và Điều lệ, đáp ứng một số tiêu chí mang tính đặc trưng của HTX, chỉ hỗ trợ THT đã đăng ký hoạt động, các TCKTHT phải có báo cáo kiểm toán để làm căn cứ đánh giá trước khi nhận hỗ trợ nhằm hạn chế việc hỗ trợ không đúng đối tượng hoặc ngăn ngừa các đối tượng trục lợi chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Bổ sung quy định chi tiết các nội dung hỗ trợ cho TCKTHT, gồm: Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn; hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đầu tư; hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất; ưu đãi thuế, phí và lệ phí; hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị; hỗ trợ về kiểm toán.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Bổ sung quy định về phương thức hỗ trợ của Nhà nước thông qua hình thức dự án đầu tư hoặc phi dự án. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và theo định mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Trong thời hạn 36 tháng[23] kể từ khi Luật HTX (sửa đổi) có hiệu lực thi hành, Nhà nước phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ phát triển các TCKTHT nhằm nâng cao hiệu quả, thống nhất các nội dung hỗ trợ cho các TCKTHT, khắc phục tình trạng chính sách hỗ trợ hiện nay còn dàn trải, bị lồng ghép, thiếu nguồn lực riêng.

- Bổ sung quy định về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX làm căn cứ pháp lý cho Nghị định số 45/2021/NĐ-CP về thành lập, tổ chức hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX đã được Chính phủ ban hành ngày 31/3/2021.

b) Quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế hợp tác

- Bổ sung quy định các bộ, ngành, cơ quan liên quan, địa phương phải liên kết, chia sẻ thông tin về quản lý nhà nước trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký TCKTHT.

2.6 Tổ chức thi hành

- Bổ sung quy định thời hạn các THT, HTX, liên hiệp HTX tổ chức lại hoạt động trước khi Luật này có hiệu lực phải đăng ký lại theo quy định.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng Luật HTX (sửa đổi) còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau, Cơ quan chủ trì soạn thảo cần xin ý kiến:

1. Về tên Luật

(i) Phương án 1: Tên Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

Phương án này giữ nguyên tên Luật HTX, không làm thay đổi đến việc dẫn chiếu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật HTX. Mặc dù Dự thảo Luật mở rộng đối tượng điều chỉnh nhưng đối tượng HTX là nòng cốt, hạt nhân còn các đối tượng THT, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX là các hình thức phái sinh.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng tên Luật HTX chưa thực sự bao quát hết các đối tượng điều chỉnh, chưa phản ánh tính đa dạng, nhiều loại hình của các TCKTHT đang hoạt động trong khu vực kinh tế tập thể. Thiết kế Dự thảo Luật thì phần nội dung quy định HTX chưa chiếm phần lớn, chỉ tương đương với quy định của liên hiệp HTX.

(ii) Phương án 2: Tên Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác

Phương án này được Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất lựa chọn do phù hợp với đối tượng, phạm vi điều chỉnh và thiết kế nội dung dự thảo Luật. Các TCKTHT gồm THT, HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX là các tổ chức có cùng hoặc tương đối giống nhau về bản chất, về nguyên tắc tổ chức, quản lý,

[23] Dự kiến từ năm 2026.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hoạt động phục vụ các thành viên. Thành viên liên kết, hợp tác dân chủ với nhau trong một tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội. Các thành viên cùng góp tài sản, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

Phương án này cũng tương tự như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp. Các Luật này cũng được đặt tên trên cơ sở các loại hình tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác nhau được quy định chung trong cùng một Luật.

Tuy nhiên, Phương án này ảnh hưởng đến tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách hiện hành[24], cần sửa đổi, điều chỉnh lại cho đồng bộ, thống nhất. Một số tên gọi gắn với HTX như: Liên minh HTX, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX... cũng cần nghiên cứu, xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

2. Về phân phối thu nhập của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân

Thiết kế Luật HTX (sửa đổi) quy định tách riêng giao dịch bên trong và giao dịch bên ngoài để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay ở nước ta. Các HTX, liên hiệp HTX ở ngoài phục vụ thành viên (giao dịch bên trong) còn phục vụ khách hàng không phải thành viên (giao dịch bên ngoài). Phần giao dịch bên trong, phục vụ thành viên thể hiện bản chất tương hỗ giữa các thành viên của TCKTHT và được Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ thông qua miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Phần giao dịch bên ngoài được Nhà nước đối xử bình đẳng, phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp giống như doanh nghiệp. Tuy nhiên, để hạn chế việc TCKTHT chỉ tập trung các hoạt động phục vụ khách hàng bên ngoài, xa rời nguyên tắc phục vụ và phát triển thành viên, thì lợi nhuận từ giao dịch bên ngoài phải trích lập vào quỹ chung không chia để dự phòng tài chính và đầu tư phát triển tài sản chung không chia của các TCKTHT. Với giải pháp này, Nhà nước một mặt không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của TCKTHT (như đối với quy định hiện nay về tỷ lệ tối đa cung ứng sản phẩm, dịch vụ đối với khách hàng không phải là thành viên[25]), mặt khác vẫn tạo điều kiện thuận lợi để các TCKTHT phát triển mở rộng thị trường, tạo nguồn thu nhập để tăng tích lũy và tài sản chung không chia của mình; qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của các TCKTHT, khu vực KTTT ở Việt Nam.

(i) Phương án 1: Trích 100% lợi nhuận hằng năm của TCKTHTCTCPN vào quỹ chung không chia.

Phương án này giống với quy định của Luật HTX của Canada, không khuyến khích HTX hoạt động phục vụ khách hàng bên ngoài. Tuy nhiên, chưa phù hợp với tình hình thực tế tại Việt Nam, khi các TCKTHTCTCPN đa số quy mô còn nhỏ, đang trong giai đoạn tích lũy tư bản, tìm kiếm lợi nhuận bên ngoài

[24] Ví dụ: Luật Các tổ chức tín dụng dẫn chiếu đến Luật HTX; các văn bản, chính sách gần đây sử dụng cụm từ "HTX, doanh nghiệp"

[25] Luật HTX năm 2012 quy định Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ này và tại Điều 5, Nghị định 107/2017/NĐ-CP tỷ lệ này được quy định là không quá 50%.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

song song với phục vụ thành viên. Do vậy, quy định này sẽ không khuyến khích được cá nhân, pháp nhân tham gia và thành lập các TCKTHTCTCPN.

(ii) Phương án 2: Trích một phần lợi nhuận hằng năm đưa vào quỹ chung không chia theo tỷ lệ như sau: 5% đối với HTX, 10% đối với liên hiệp HTX, 15% đối với liên đoàn HTX.

Phương án này được Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất. Quy định này vừa tạo được động lực cho các thành viên tham gia TCKTHTCTCPN, đồng thời vẫn giúp định hướng các TCKTHTCTCPN hoạt động phục vụ thành viên.

Tỷ lệ này tăng dần đối với các loại hình TCKTHTCTCPN có quy mô lớn hơn là liên hiệp HTX và liên đoàn HTX theo nguyên tắc tổ chức càng cao, càng có nhiều thành viên thì đòi hỏi nguồn vốn quỹ, tài sản chung không chia càng lớn để có thể đáp ứng nhu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho số lượng thành viên lớn hơn.

Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng tỷ lệ này còn thấp.

(iii) Phương án 3: Trích một phần lợi nhuận hằng năm đưa vào quỹ chung không chia theo tỷ lệ như sau: 20% đối với HTX, 25% đối với liên hiệp HTX, 30% đối với liên đoàn HTX.

Có ý kiến cho rằng tỷ lệ này phải cao hơn. Tỷ lệ trích lập vào quỹ chung không chia từ giao dịch bên ngoài theo phương án 2 đang thấp hơn so với giao dịch bên trong. Phần miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thặng dư (tương đương 20% thặng dư) từ giao dịch bên trong phải để lại vào quỹ chung không chia[26]. Do đó, cần quy định tỷ lệ trích lập tối thiểu 20% lợi nhuận từ phần giao dịch bên ngoài đối với HTX. Quy định tỷ lệ trích lập quỹ chung cao giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc định hướng các HTX hoạt động phục vụ bên ngoài quay trở lại vào phục vụ thành viên.

3. Về xử lý tài sản chung không chia

(i) Phương án 1: TCKTHTCTCPN được phép bán trong quá trình hoạt động tài sản chung không chia. Quỹ chung không chia được phép sử dụng theo quy định của Điều lệ để bù đắp trong trường hợp TCKTHTCTCPN đã xử lý giảm lỗ nhưng vẫn không đủ.

Phương án này được Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất trong Dự thảo Luật theo hướng: Trường hợp tài sản chung không chia lạc hậu công nghệ, hết khấu hao hoặc hư hỏng không thể sửa chữa, TCKTHTCTCPN được phép chuyển nhượng cho tổ chức kinh tế hợp tác khác hoặc thanh lý khi Đại hội thành viên và Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đồng ý. Số tiền thu được phải đưa vào quỹ chung không chia của TCKTHTCTCPN.

[26] Thuế TNDN trung bình hiện nay là 20%

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

"Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ thì TCKTHTCTCPN phải xử lý giảm lỗ theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã xử lý giảm lỗ nhưng vẫn không đủ thì sử dụng quỹ chung không chia theo quy định của Điều lệ của TCKTHTCTCPN để bù đắp; nếu vẫn chưa đủ thì khoản lỗ còn lại được chuyển sang năm sau; khoản lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển các khoản lỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế".

Phương án này giúp cho việc sử dụng tài sản chung không chia hiệu quả hơn, tránh lãng phí trong quá trình hoạt động, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo tình hình thực tế của TCKTHTCTCPN trong bối cảnh cuộc cánh mạng công nghiệp lần thứ 4 diễn ra nhanh chóng. Quy định tiền bán, thanh lý tài sản chung không chia đưa vào quỹ chung không chia bảo đảm tiền hỗ trợ của Nhà nước không bị mất đi. Quỹ chung không chia ngoài mục đích đầu tư phát triển còn được dùng để dự phòng tài chính trong trường hợp TCKTHTCTCPN hoạt động thua lỗ.

Tuy nhiên, việc xác định tình trạng tài sản chung không chia là lạc hậu công nghệ, không sử dụng được do nguyên nhân khách quan sẽ khó khăn, nguy cơ thất thoát tài sản chung không chia do Nhà nước hỗ trợ là có thể xảy ra.

(ii) Phương án 2: Tài sản chung không chia của TCKTHTCTCPN không được phép bán, xử lý lỗ trong quá trình hoạt động.

Phương án này giữ như quy định hiện nay, không cho phép TCKTHTCTCPN bán tài sản chung không chia trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi tài sản hết khấu hao. Tài sản chung không chia chỉ được xử lý khi TCKTHTCTCPN giải thể, phá sản nhằm bảo toàn vốn của Nhà nước đã hỗ trợ cho TCKTHTCTCPN.

Tuy nhiên, quy định cứng này đã hạn chế việc sử dụng tài sản chung không chia một cách có hiệu quả. Nhiều tài sản chung do hư hỏng, hết khấu hao, lạc hậu nhưng HTX, liên HTX không được bán, phải lưu giữ, bảo vệ tài sản đã gây lãng phí, thậm chí tốn kém cho các tổ chức này.

Trên đây là Tờ trình Dự án Luật HTX (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm: Dự thảo Luật HTX (sửa đổi))

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Công an, Tài chính, Ngoại giao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PTHTX (02).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: .../20.../QH...	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

DỰ THẢO 2

LUẬT
CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác.

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH CHUNG

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh (Sửa đổi Điều 1 Luật HTX năm 2012)

Luật này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác, bao gồm tổ hợp tác, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và các tổ chức đại diện của các tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng (Sửa đổi Điều 2 Luật HTX năm 2012)

1. Các tổ chức kinh tế hợp tác, thành viên của các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Các tổ chức đại diện của các tổ chức kinh tế hợp tác, thành viên của các tổ chức đại diện.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác và các tổ chức đại diện.

Điều 3. Áp dụng Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác và luật khác (bổ sung)

Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động khác có liên quan của tổ chức kinh tế hợp tác thì áp dụng quy định của luật đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ (Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật HTX năm 2012)

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao* là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính hoặc bản in từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. *Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác* là cổng thông tin điện tử được sử dụng để đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác qua mạng thông tin điện tử, công bố thông tin về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và truy cập thông tin về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

3. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác* là tập hợp dữ liệu về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác trên phạm vi toàn quốc.

4. *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính của tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với tổ chức kinh tế hợp tác để làm địa chỉ liên lạc.

5. *Giao dịch bên trong* là giao dịch của tổ chức kinh tế hợp tác phục vụ thành viên chính thức thông qua các hoạt động sau đây:

a) Mua chung sản phẩm, dịch vụ từ thị trường để phục vụ thành viên chính thức;

b) Bán chung sản phẩm, dịch vụ của thành viên chính thức ra thị trường;

c) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ (bao gồm dịch vụ tạo việc làm, tín dụng nội bộ) cho thành viên chính thức.

6. *Giao dịch bên ngoài* là giao dịch của tổ chức kinh tế hợp tác không thuộc các hoạt động giao dịch bên trong.

7. *Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác* là văn bản dưới hình thức bản giấy hoặc bản điện tử ghi các thông tin về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho tổ chức kinh tế hợp tác.

8. *Giấy tờ pháp lý của cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

9. *Giấy tờ pháp lý của tổ chức* là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác, tài liệu tương đương khác.

10. *Góp sức lao động* là việc thành viên tham gia xây dựng tổ chức kinh tế hợp tác dưới các hình thức trực tiếp quản lý, trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, tư vấn, môi giới và các hình thức tham gia lao động khác.

11. *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác* là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu về tổ chức kinh tế hợp tác, bao gồm: cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế

LawSoft
Tiện ích văn bản luật

hợp tác, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và hạ tầng kỹ thuật.

12. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai rõ ràng, trung thực, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

13. *Lợi nhuận* là hiệu số doanh thu trừ đi chi phí của giao dịch bên ngoài.

14. *Nhu cầu chung của thành viên* là nhu cầu về kinh tế, xã hội, văn hóa giống nhau của các thành viên được đáp ứng khi tham gia vào tổ chức kinh tế hợp tác.

15. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

16. *Phí thành viên liên kết* là khoản tiền mà cá nhân, pháp nhân phải nộp để trở thành thành viên liên kết không góp vốn của tổ chức kinh tế hợp tác.

17. *Quỹ chung không chia* là quỹ thuộc sở hữu chung hợp nhất của tổ chức kinh tế hợp tác, không được chia cho thành viên trong mọi trường hợp.

18. *Tài sản chung không chia* là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của tổ chức kinh tế hợp tác, không được chia cho thành viên trong mọi trường hợp.

19. *Thành viên* của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bao gồm thành viên chính thức, thành viên liên kết không góp vốn và thành viên liên kết có góp vốn.

20. *Thành viên chính thức* là thành viên đáp ứng đồng thời hai điều kiện sau:

a) Góp vốn;

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của tổ chức kinh tế hợp tác hoặc góp sức lao động.

21. *Thành viên liên kết không góp vốn* là thành viên đóng phí thành viên liên kết, không góp vốn và đáp ứng ít nhất một trong hai điều kiện sau:

a) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của tổ chức kinh tế hợp tác;

b) Góp sức lao động.

22. *Thành viên liên kết có góp vốn* là thành viên chỉ góp vốn, không sử dụng sản phẩm, dịch vụ và không góp sức lao động.

23. *Thặng dư* là hiệu số doanh thu trừ đi chi phí của giao dịch bên trong.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

24. *Thời hạn hợp tác* là thời gian các thành viên tổ hợp tác thỏa thuận hợp tác với nhau và ghi trong hợp đồng hợp tác. Trường hợp các bên không thỏa thuận về thời hạn hợp tác thì thời hạn hợp tác kết thúc khi chấm dứt hợp đồng hợp tác theo quy định của pháp luật có liên quan.

25. *Thu nhập* là tổng thặng dư và lợi nhuận của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong một năm tài chính.

26. *Tổ chức kinh tế hợp tác* là tổ chức kinh tế do các cá nhân, pháp nhân đăng ký thành lập theo quy định của Luật này và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội. Các tổ chức kinh tế hợp tác bao gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và liên đoàn hợp tác xã.

27. *Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân* bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và liên đoàn hợp tác xã.

28. *Tổ chức lại tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

29. *Tổ trưởng tổ hợp tác* là người đại diện theo pháp luật của tổ hợp tác, được các thành viên bầu để thực hiện việc điều hành và tổ chức các hoạt động của tổ hợp tác.

30. *Tỷ lệ giao dịch bên trong* là tỷ lệ doanh thu của giao dịch bên trong trên tổng doanh thu của tổ chức kinh tế hợp tác trong một năm tài chính.

31. *Vốn điều lệ* là tổng số vốn do thành viên góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

32. *Vốn góp* là giá trị tài sản mà một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào vốn điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc giá trị tài sản mà thành viên tổ hợp tác góp vào tổ hợp tác theo quy định tại hợp đồng hợp tác.

33. *Vốn góp tối thiểu* là số vốn mà cá nhân hoặc pháp nhân phải góp vào vốn Điều lệ để trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với các tổ chức kinh tế hợp tác (Sửa đổi Điều 5 Luật HTX năm 2012)

1. Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của các tổ chức kinh tế hợp tác.

Trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc lợi ích quốc gia thì Nhà nước thanh toán, bồi thường cho các tổ chức kinh tế hợp tác theo quy định của pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh bình đẳng giữa các tổ chức kinh tế hợp tác với các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

3. Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức hoạt động, sản xuất, kinh doanh và không can thiệp trực tiếp vào hoạt động hợp pháp của các tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tổ chức kinh tế hợp tác (Sửa đổi Điều 11 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Các tổ chức kinh tế hợp tác có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thành viên, người lao động thành lập và tham gia các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm (Sửa đổi Điều 12 Luật HTX năm 2012)

1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác trong trường hợp không đủ điều kiện; từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác trong trường hợp đủ điều kiện theo quy định của Luật này; cản trở, sách nhiễu việc đăng ký và hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác.

b) Cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác, thành viên theo quy định của Luật này và Điều lệ.

c) Hỗ trợ tổ chức kinh tế hợp tác không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái với các quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ chức kinh tế hợp tác.

đ) Phân biệt đối xử, gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu đối với tổ chức kinh tế hợp tác, tổ chức, cá nhân thực hiện hỗ trợ tổ chức kinh tế hợp tác.

e) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực liên quan đến hỗ trợ tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Đối với các tổ chức kinh tế hợp tác:

a) Hoạt động dưới danh nghĩa tổ chức kinh tế hợp tác mà không có giấy chứng nhận đăng ký; tiếp tục hoạt động khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký.

b) Tổ chức kinh tế hợp tác thực hiện bất kỳ hoạt động nào mang tính chất đầu cơ và vì lợi ích của một nhóm thành viên.

c) Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung đăng ký của tổ chức kinh tế hợp tác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Kê khai khống phần vốn góp, vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá vốn góp không đúng giá trị.

đ) Kinh doanh ngành, nghề có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

e) Kinh doanh ngành nghề cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện không đúng các nguyên tắc tổ chức, hoạt động theo quy định tại Luật này.

h) Cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực, làm giả giấy tờ để trục lợi.

i) Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

Điều 8. Phân loại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bổ sung)

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực hoạt động được phân loại siêu nhỏ, nhỏ, vừa và lớn theo tiêu chí sau:

a) Số lượng thành viên chính thức;

b) Doanh thu hoặc tổng nguồn vốn.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 9. Nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động (Sửa đổi Điều 7 Luật HTX năm 2012)

1. Tham gia tự nguyện và mở rộng kết nạp thành viên.

Cá nhân, pháp nhân tự nguyện thành lập, gia nhập, ra khỏi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mở rộng kết nạp thành viên, không phân biệt về giới tính, địa vị xã hội, chủng tộc, quan điểm chính trị hoặc tôn giáo.

2. Tổ chức, quản lý dân chủ.

Thành viên chính thức được tham gia trực tiếp vào công việc tổ chức, quản lý và các hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân một cách dân chủ, không phụ thuộc vào vốn góp.

3. Đóng góp về kinh tế của thành viên.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Thành viên chính thức góp vốn khi gia nhập và được cùng kiểm soát vốn, quỹ và tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Thành viên chính thức được phân phối thu nhập theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc mức độ đóng góp sức lao động; một phần thu nhập của thành viên được phân bổ vào quỹ chung không chia để đầu tư phát triển, dự phòng rủi ro trong sản xuất, kinh doanh và hình thành tài sản chung không chia.

4. Tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là tổ chức tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

5. Giáo dục, đào tạo và thông tin.

Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho thành viên, người lao động; cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác cho các thành viên; tuyên truyền về bản chất, lợi ích của tổ chức kinh tế hợp tác đối với người dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

6. Hợp tác giữa các tổ chức kinh tế hợp tác.

Các hợp tác xã cùng hợp tác với nhau để thành lập liên hiệp hợp tác xã hoặc liên đoàn hợp tác xã có quy mô kinh tế lớn hơn nhằm nâng cao năng lực tham gia các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên thị trường.

Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cùng hợp tác với nhau để hình thành tổ chức đại diện là liên minh hợp tác xã, thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và phát triển phong trào hợp tác xã trên quy mô địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.

7. Quan tâm phát triển cộng đồng.

Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có trách nhiệm quan tâm, chăm lo, tạo dựng cộng đồng thành viên đoàn kết, tương trợ lẫn nhau và tham gia phát triển cộng đồng dân cư tại địa phương.

Điều 10. Quyền của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 8 Luật HTX năm 2012)

1. Được thực hiện mục tiêu hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật.

2. Quyết định việc tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Được sản xuất, kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên.

4. Yêu cầu thành viên cung cấp nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cung ứng, tiêu thụ sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thành viên.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ ra thị trường bên ngoài sau khi hoàn thành nghĩa vụ và bảo đảm lợi ích của thành viên theo quy định của Điều lệ hoặc pháp luật chuyên ngành (nếu có).

6. Cung cấp dịch vụ, tổ chức hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa vì mục tiêu chăm lo đời sống của thành viên, cộng đồng và phát triển bền vững.

7. Kết nạp mới, chấm dứt tư cách thành viên.

8. Tăng, giảm vốn Điều lệ trong quá trình hoạt động.

9. Huy động vốn theo quy định của pháp luật.

10. Hoạt động tín dụng nội bộ. Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động tín dụng nội bộ.

11. Liên doanh, liên kết, hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thực hiện mục tiêu hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

12. Góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức kinh tế khác; thành lập doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

13. Quản lý, sử dụng, xử lý vốn, tài sản và các quỹ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

14. Thực hiện việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

15. Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật; xử lý thành viên vi phạm Điều lệ và giải quyết tranh chấp nội bộ.

Điều 11. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Luật HTX năm 2012)

1. Thực hiện các quy định của Điều lệ.

2. Kết nạp thành viên khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật này, Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định của Luật này.

4. Thực hiện cam kết kinh tế giữa tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân với thành viên, đáp ứng nhu cầu của thành viên trước khi phục vụ khách hàng bên ngoài không phải là thành viên.

5. Thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê và pháp luật có liên quan.

6. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

7. Quản lý, sử dụng đất và tài nguyên khác được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật.

8. Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

9. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp thông tin cho thành viên.

10. Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo Điều 13 Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

11. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ.

12. Tham gia là thành viên của liên minh hợp tác xã.

Điều 12. Chế độ lưu giữ tài liệu và minh bạch thông tin với thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ, điều lệ sửa đổi, bổ sung và các quy chế của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; sổ đăng ký thành viên;

b) Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa; giấy phép kinh doanh ngành, nghề có điều kiện và các giấy tờ khác có liên quan;

c) Tài liệu, giấy xác nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

d) Giấy chứng nhận góp vốn của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn; biên bản, nghị quyết của hội nghị thành lập, Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị; các quyết định của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

đ) Báo cáo tài chính, sổ kế toán, chứng từ kế toán;

e) Kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (nếu có).

2. Các tài liệu quy định tại Điều này phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Thông tin tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải công khai cho thành viên bao gồm:

a) Điều lệ và các quy chế nội bộ;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, quyết định của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;

c) Danh sách và tỷ lệ vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn;

d) Các thông tin khác phải công khai theo quy định trong Điều lệ.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

4. Các thông tin phải được niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản và được cung cấp cho thành viên khi có yêu cầu.

Điều 13. Chế độ báo cáo, công bố thông tin (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải công bố định kỳ hằng năm trên trang thông tin điện tử của mình những thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản bao gồm cơ cấu tổ chức và Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Báo cáo tài chính hằng năm, Báo cáo kiểm toán (nếu có);

c) Thông tin quản lý, sử dụng quỹ chung không chia và tài sản chung không chia do Nhà nước hỗ trợ;

d) Thông tin về kết quả giáo dục, đào tạo cho các thành viên, người lao động.

2. Thông tin được công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

4. Thực hiện cung cấp thông tin cho cơ quan chức năng theo quy định Điều 28 Luật này.

Điều 14. Góp vốn thành lập và giấy chứng nhận vốn góp (Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật HTX năm 2012)

1. Vốn điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân khi đăng ký thành lập là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên chính thức và thành viên liên kết có góp vốn đã góp hoặc cam kết góp và được ghi trong Điều lệ.

2. Thời hạn, hình thức và mức góp vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ, nhưng thời hạn phải góp đủ vốn chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản.

3. Thành viên chỉ được góp vốn cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.

4. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà vẫn có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì xử lý như sau:

a) Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp và có nghĩa vụ

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian trước ngày đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

6. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người góp vốn trở thành thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân kể từ thời điểm đã thanh toán phần vốn góp và những thông tin về người góp vốn quy định tại các điểm b, c và đ khoản 2 Điều 16 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải cấp giấy chứng nhận vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.

7. Giấy chứng nhận vốn góp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Vốn điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là pháp nhân.

d) Vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

đ) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp.

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

7. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, thành viên được tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ.

Điều 15. Chuyển nhượng vốn góp (Bổ sung)

1. Thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết được phép chuyển nhượng vốn góp với nhau và được tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cấp giấy chứng nhận góp vốn đã chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng.

2. Giá trị vốn góp của thành viên sở hữu sau khi hoàn thành giao dịch chuyển nhượng không thấp hơn vốn góp tối thiểu và không vượt quá vốn góp tối đa theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Trường hợp thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết có góp vốn chuyển nhượng vốn góp cho thành viên liên kết không góp vốn thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân xem xét tư cách, xác nhận tư cách thành viên này trở

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

thành thành viên chính thức và thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định, cấp giấy chứng nhận góp vốn đã chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng.

Điều 16. Sổ đăng ký thành viên (Sửa đổi Điều 25 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu vốn góp của các thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn.

3. Sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính tổ chức kinh tế hợp tác;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý hoặc số định danh của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;

c) Vốn góp, tỷ lệ vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn;

d) Số và ngày cấp giấy chứng nhận vốn góp của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải cập nhật kịp thời thay đổi thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn trong sổ đăng ký thành viên theo quy định của Điều lệ.

5. Sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn được lưu giữ tại trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

6. Sổ đăng ký thành viên liên kết không góp vốn do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tự quy định.

Chương III

THÀNH LẬP TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 17. Sáng lập viên (Sửa đổi Điều 19 Luật HTX năm 2012)

1. Sáng lập viên của hợp tác xã là cá nhân, pháp nhân cam kết tự nguyện thành lập và tham gia là thành viên hợp tác xã.

Sáng lập viên của liên hiệp hợp tác xã là các hợp tác xã cam kết tự nguyện thành lập và tham gia là thành viên liên hiệp hợp tác xã.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Sáng lập viên của liên đoàn hợp tác xã là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết tự nguyện thành lập và tham gia là thành viên liên đoàn hợp tác xã.

2. Liên hệ với cơ quan đăng ký hoặc liên minh hợp tác xã nơi thành lập để nhận được tư vấn, hỗ trợ việc thành lập.

3. Sáng lập viên vận động, tuyên truyền thành lập; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dự thảo Điều lệ; chuẩn bị các điều kiện và triển khai các công việc để tổ chức hội nghị thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 18. Hội nghị thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 20 Luật HTX năm 2012)

1. Hội nghị thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do sáng lập viên tổ chức theo quy định của Luật này.

Thành phần tham gia hội nghị thành lập bao gồm sáng lập viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của sáng lập viên là pháp nhân có nguyện vọng gia nhập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Đại diện của liên đoàn hợp tác xã hoặc liên minh hợp tác xã tham gia hội nghị để hỗ trợ, tư vấn về thủ tục, nhưng không có quyền biểu quyết.

2. Hội nghị thảo luận về dự thảo Điều lệ, phương án sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và dự kiến danh sách thành viên.

3. Hội nghị thông qua Điều lệ. Những người tán thành Điều lệ và đủ điều kiện theo quy định tại Điều 66, Điều 74, Điều 82 của Luật này và pháp luật có liên quan thì trở thành thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Các thành viên thảo luận và quyết định các nội dung sau đây:

a) Phương án sản xuất, kinh doanh;

b) Bầu Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Quyết định việc lựa chọn thành lập Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên theo quy định của Luật này, lựa chọn bầu Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên trong số thành viên hoặc đi thuê;

d) Quyết định việc lựa chọn Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong số các thành viên hoặc đi thuê;

đ) Định giá và thông qua tài sản góp vốn của các thành viên theo Điều 52 của Luật này;

e) Các nội dung khác có liên quan đến việc thành lập và tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

5. Nghị quyết của hội nghị thành lập ghi rõ những nội dung quy định tại khoản 4 Điều này phải được biểu quyết thông qua theo nguyên tắc đa số.

Điều 19. Nội dung Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 21 Luật HTX năm 2012)

1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính; biểu tượng (nếu có).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Mục tiêu hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phù hợp quy định trong Luật này.

3. Ngành, nghề kinh doanh.

4. Đối tượng, điều kiện, thủ tục kết nạp thành viên; biện pháp xử lý đối với thành viên nợ quá hạn.

5. Mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ; giá trị tối thiểu của sản phẩm, dịch vụ mà thành viên chính thức phải sử dụng; thời gian liên tục thành viên chính thức không góp sức lao động hoặc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân để làm căn cứ chấm dứt tư cách thành viên.

6. Quyền và nghĩa vụ của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn và thành viên liên kết không góp vốn.

7. Cơ cấu tổ chức của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (nếu có); thể thức bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (nếu có).

8. Số lượng, quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật.

9. Số lượng thành viên, cơ cấu và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có); việc thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm làm Giám đốc (Tổng Giám đốc).

10. Vốn điều lệ, mức vốn góp tối thiểu của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn; hình thức góp vốn và thời hạn góp vốn; chuyển nhượng vốn góp; trả lại vốn góp; tăng, giảm vốn điều lệ.

11. Mức phí và thời hạn nộp phí thành viên liên kết không góp vốn (nếu có).

12. Việc huy động vốn từ thành viên theo quy định pháp luật.

13. Tỷ lệ giao dịch bên trong.

14. Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế; thành lập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

15. Lập các quỹ; tỷ lệ trích lập các quỹ; tỷ lệ, phương thức phân phối thu nhập.

16. Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản, vốn, quỹ và các khoản lỗ; các loại tài sản chung không chia.

17. Nguyên tắc trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; nguyên tắc trả tiền lương, tiền công cho Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người lao động.

18. Xử lý vi phạm Điều lệ và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

19. Các nội dung khác do Đại hội thành viên quyết định nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 23 Luật HTX năm 2012)

1. Trước khi hoạt động, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi dự định đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Điều lệ;

c) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn; danh sách Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

d) Nghị quyết hội nghị thành lập;

đ) Giấy tờ pháp lý hoặc số định danh của người đại diện theo pháp luật.

3. Người đại điện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

4. Hồ sơ đăng ký tới Cơ quan đăng ký kinh doanh và nhận kết quả theo phương thức sau đây:

a) Trực tiếp bằng bản giấy tại Cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Bằng bản giấy qua dịch vụ bưu chính;

c) Đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp từ chối đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Nội dung giấy đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

Giấy đề nghị đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Ngành, nghề kinh doanh.

LuatVietnam

4. Vốn điều lệ.

5. Số lượng thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn.

6. Họ, tên, chữ ký, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, thông tin giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

7. Thông tin đăng ký thuế.

Điều 22. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác (Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;

b. Có hồ sơ đăng ký hợp lệ;

c. Tên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được đặt theo đúng quy định của Luật này;

d. Nộp đủ lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp (Bổ sung)

Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Địa chỉ trụ sở chính.

3. Mã số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Ngành, nghề kinh doanh.

5. Vốn điều lệ.

6. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý hoặc số định danh của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 24. Mã số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

1. Mã số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác, được cấp cho tổ chức kinh tế hợp tác khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Mỗi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

pháp nhân có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho tổ chức khác.

2. Mã số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được dùng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

Điều 25. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác quy định tại Điều 26 của Luật này.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác mới; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và nêu rõ lý do.

4. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác gửi đề nghị đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực. Kèm theo hồ sơ đăng ký phải gồm bản sao bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác mới theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người đề nghị đăng ký thay đổi. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác mới thì phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi và nêu rõ lý do.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 28 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi một trong những nội dung sau đây:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Ngành, nghề kinh doanh;

b) Thành viên chính thức;

c) Thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát;

d) Thông tin đăng ký thuế;

đ) Nội dung khác trong hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và nêu rõ lý do.

4. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực. Kèm theo thông báo phải gồm bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người đề nghị đăng ký thay đổi. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi và nêu rõ lý do.

Điều 27. Công bố nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và phải nộp phí theo quy định của pháp

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và các thông tin sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh;

b) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn.

2. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Thời hạn thông báo công khai thông tin về tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 30 ngày kể từ ngày được công khai.

Điều 28. Cung cấp thông tin tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cho cơ quan chức năng (Bổ sung)

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và Cơ quan đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác cung cấp thông tin được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

1. Tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Tên của hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ "Hợp tác xã" hoặc "Quỹ tín dụng nhân dân" theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;

Tên của liên hiệp hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ "Liên hiệp hợp tác xã".

Tên của liên đoàn hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ "Liên đoàn hợp tác xã".

b) Tên riêng.

2. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên của tổ chức mình.

4. Tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phát hành.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 30 của Luật này, Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 30. Những điều cấm trong đặt tên (Bổ sung)

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký.

2. Đặt tên tiếng Việt, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

4. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt (Bổ sung)

1. Tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể giữ nguyên tiếng Việt hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phát hành.

3. Tên viết tắt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

4. Tên viết tắt, bảng hiệu, các hình thức quảng cáo, giấy tờ giao dịch của hợp tác xã phải có ký hiệu "HTX", liên hiệp hợp tác xã phải có ký hiệu "LHHTX", liên đoàn hợp tác xã phải có ký hiệu "LĐHTX".

Điều 32. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh (Bổ sung)

1. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân kèm theo cụm từ "Chi nhánh" đối với chi nhánh, cụm từ "Văn phòng đại diện" đối với văn phòng đại diện, cụm từ "Địa điểm kinh doanh" đối với địa điểm kinh doanh. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không được sử dụng cụm từ "hợp tác xã", "liên hiệp hợp tác xã", "liên đoàn hợp tác xã".

Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

3. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành.

Điều 33. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn (Bổ sung)

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký.

2. Các trường hợp được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã đăng ký bao gồm:

a) Tên tiếng Việt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký được đọc giống tên tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký;

c) Tên bằng tiếng nước ngoài của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký;

d) Tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, một số thứ tự hoặc một chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ F, J, Z, W được viết liền hoặc cách ngay sau tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác đó;

đ) Tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác cùng loại đã đăng ký bởi một ký hiệu "&" hoặc "và", ".", ",", "+", "-", "_";

e) Tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác cùng loại đã đăng ký bởi từ "tân" ngay trước hoặc từ "mới" được viết liền hoặc cách ngay sau hoặc trước tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đã đăng ký;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

g) Tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác cùng loại đã đăng ký bởi một cụm từ "miền Bắc", "miền Nam", "miền Trung", "miền Tây", "miền Đông";

h) Tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trùng với tên riêng của tổ chức kinh tế hợp tác đã đăng ký.

Điều 34. Trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 26 Luật HTX năm 2012)

Trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

Điều 35. Dấu của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ hoặc quy chế do tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có dấu ban hành. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài; có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.

2. Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Bản sao quyết định thành lập và bản sao biên bản họp về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; số định danh của cá nhân hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ,

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định địa điểm kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thông báo địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 37. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 38. Đại hội thành viên (Sửa đổi Điều 30, Điều 32 Luật HTX năm 2012)

1. Đại hội thành viên gồm tất cả thành viên chính thức, là cơ quan quyết định cao nhất của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Đại hội thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

c) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;

d) Phê duyệt kết quả kiểm toán nội bộ và báo cáo kiểm toán độc lập (nếu có);

đ) Thông qua Phương án phân phối thu nhập và xử lý khoản lỗ, khoản nợ; lập, tỷ lệ trích lập quỹ không chia và các quỹ khác; phương án tiền lương và các chế độ đãi ngộ cho người lao động;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

e) Quyết định Phương án sản xuất, kinh doanh;

g) Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

h) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên doanh, liên kết; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; tham gia vào tổ chức kinh tế hợp tác khác;

i) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, vốn góp tối thiểu; thẩm quyền quyết định và phương thức huy động vốn;

k) Xác định giá trị tài sản và tài sản chung không chia;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

m) Quyết định việc thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, thuê Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (nếu có);

n) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (nếu có); tăng, giảm số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có); số lượng và người đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

o) Quyết định việc chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản cố định;

p) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

q) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

r) Quyết định mức thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên; tiền công, tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), tư vấn kiểm soát trong trường hợp đi thuê và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ;

s) Chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 69, Điều 77 của Luật này;

t) Giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị chưa thể giải quyết như vi phạm Điều lệ, tranh chấp, mất đoàn kết nội bộ trong thành viên, theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

u) Quyết định công ty kiểm toán độc lập, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết (nếu có);

v) Những nội dung khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.

Điều 39. Cuộc họp Đại hội thành viên (Bổ sung)

1. Đại hội thành viên họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội thành viên có thể họp bất thường.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có 50 thành viên chính thức trở lên có thể tổ chức đại hội đại biểu thành viên.

4. Tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên do Điều lệ quy định.

5. Số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu do Điều lệ quy định nhưng phải bảo đảm:

a) Không được ít hơn 50% tổng số thành viên chính thức đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có từ trên 50 đến 100 thành viên chính thức;

b) Không được ít hơn 30% tổng số thành viên chính thức đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có từ trên 100 đến 300 thành viên chính thức;

c) Không được ít hơn 20% tổng số thành viên chính thức đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có từ trên 300 đến 1000 thành viên chính thức;

d) Không được ít hơn 200 đại biểu thành viên chính thức đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có trên 1000 thành viên chính thức.

6. Đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên phải thể hiện được ý kiến, nguyện vọng và có trách nhiệm thông tin về kết quả đại hội cho tất cả thành viên mà mình đại diện.

7. Kết thúc cuộc họp phải có biên bản, có thể ghi âm, ghi hình về cuộc họp Đại hội thành viên để cung cấp cho các đại biểu tham gia nếu có yêu cầu.

Điều 40. Triệu tập Đại hội thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật HTX năm 2012)

1. Đại hội thành viên phải được họp trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính do Hội đồng quản trị triệu tập.

Đại hội thành viên bất thường do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên hoặc thành viên đại diện của ít nhất một phần ba tổng số thành viên được triệu tập theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong những trường hợp sau đây:

a) Giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị không tổ chức được cuộc họp định kỳ sau hai lần triệu tập;

c) Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

d) Theo đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội thành viên theo quy định thì Chủ tịch

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Trường hợp quá thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường hoặc quá 03 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên thường niên thì Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội thành viên.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập mà không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức có quyền triệu tập đại hội. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội thành viên theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

5. Đại hội thành viên do người triệu tập chủ trì, trừ trường hợp Đại hội thành viên quyết định bầu thành viên khác chủ trì.

6. Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất 50% tổng số thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên tham dự; trường hợp không đủ số lượng thành viên thì phải hoãn đại hội thành viên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 33% tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên tham dự.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội thành viên được tiến hành không phụ thuộc vào số thành viên tham dự.

Điều 41. Chuẩn bị Đại hội thành viên (theo Điều 33 Luật HTX năm 2012)

1. Người triệu tập Đại hội thành viên phải lập danh sách thành viên, đại biểu thành viên có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và dự thảo nghị quyết; thông báo mời họp gửi bằng giấy mời, tin nhắn điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định đến từng thành hoặc đại biểu thành viên dự họp viên ít nhất 07 ngày trước ngày Đại hội thành viên khai mạc. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

2. Nội dung chương trình đại hội có thể thay đổi khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên trở lên kiến nghị điều chỉnh về cùng một nội dung bằng văn bản. Nội dung kiến nghị phải được gửi đến người triệu tập họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên thành viên, hoặc đại biểu thành viên và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Người triệu tập Đại hội thành viên chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không phù hợp với nội dung Đại hội thành viên;

b) Nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội thành viên;

c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ.

4. Trường hợp không chấp thuận kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này, người triệu tập phải báo cáo Đại hội thành viên trước khi quyết định chương trình Đại hội thành viên.

Các kiến nghị được chấp thuận phải được đưa vào chương trình dự kiến. Chương trình Đại hội thành viên phải được Đại hội thành viên biểu quyết thông qua.

Điều 42. Tham dự và biểu quyết trong Đại hội thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật HTX năm 2012)

1. Đại biểu, thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho đại biểu, cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ.

3. Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 65% tổng số đại biểu có mặt biểu quyết tán thành:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Các nội dung không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại biểu dự họp biểu quyết tán thành.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Kết quả biểu quyết trong Đại hội thành viên phải được lưu giữ, kể cả các ý kiến tán thành và không tán thành trong biểu quyết.

6. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết, đại biểu thành viên tham dự Đại hội thành viên có số phiếu biểu quyết bằng số lượng thành viên ủy quyền. Phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào số vốn góp hay chức vụ thành viên hoặc đại biểu thành viên.

Điều 43. Hội đồng quản trị (Sửa đổi Điều 35 Luật HTX năm 2012)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân do Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 03 người, tối đa là 15 người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 02 năm, tối đa là 05 năm.

3. Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 của Luật này.

4. Hội đồng quản trị hợp tác xã họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 03 tháng một lần; Hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 06 tháng một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập.

Hội đồng quản trị họp bất thường khi có yêu cầu của:

a) Ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Trưởng ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

d) Giám đốc (Tổng Giám đốc).

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau;

b) Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị theo định kỳ nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần đầu. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Sau hai lần triệu tập họp mà không đủ số thành viên tham dự, Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần hai để xem xét tư cách của thành viên Hội đồng quản trị không tham dự họp và có biện pháp xử lý; Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hội thành viên gần nhất để xem xét tư cách của thành viên Hội đồng quản trị không tham dự họp và biện pháp xử lý;

c) Nội dung và kết luận của cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản; biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký phiên họp. Chủ tọa và thư ký liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Đối với nội dung mà Hội đồng quản trị không quyết định được thì trình Đại hội thành viên quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến và được ghi vào biên bản cuộc họp.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (Sửa đổi, bổ sung Điều 36 Luật HTX năm 2012)

1. Quyết định tổ chức các bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Điều lệ.

2. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên và đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Chuẩn bị và trình Đại hội thành viên sửa đổi, bổ sung Điều lệ, báo cáo kết quả hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh và phương án phân phối thu nhập của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Trình Đại hội thành viên xem xét, thông qua báo cáo tài chính; quy chế quản lý, sử dụng tài sản và các quỹ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

5. Trình Đại hội thành viên phương án về mức thù lao, tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; mức tiền công, tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc (tổng Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ.

6. Chuyển nhượng, thanh lý, xử lý tài sản lưu động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo thẩm quyền do Đại hội thành viên giao.

7. Phối hợp với chủ sở hữu, người góp vốn để: định giá tài sản góp vốn hoặc thuê tổ chức thẩm định của cá nhân, pháp nhân góp vốn trong quá trình hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; và để chuyển quyền sở hữu

8. Quản lý thành viên, kết nạp thành viên mới, giải quyết việc chấm dứt tư cách thành viên được quy định tại khoản 3 Điều 69, Điều 77 của Luật này, các vấn đề nảy sinh, mâu thuẫn trong quan hệ nội bộ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mà Hội đồng quản trị phải thực hiện và báo cáo Đại hội thành viên.

9. Đánh giá kết quả làm việc của Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó tổng Giám đốc).

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc (tổng Giám đốc) theo nghị quyết của Đại hội thành viên.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và các chức danh khác theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) nếu Điều lệ không quy định khác.

12. Khen thưởng, kỷ luật thành viên chính thức, thành viên liên kết; khen thưởng các cá nhân, tổ chức không phải là thành viên có đóng góp nổi bật trong việc xây dựng, phát triển tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

13. Thông báo tới các thành viên nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị.

14. Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

15. Thực hiện quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật.

16. Trường hợp nội dung của nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội thành viên, Điều lệ gây thiệt hại cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, thành viên có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Sửa đổi, bổ sung Điều 37 Luật HTX năm 2012)

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên trừ trường hợp Luật này hoặc Điều lệ có quy định khác.

3. Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về nhiệm vụ được giao.

4. Ký văn bản của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

5. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ.

6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi Đại hội thành viên họp và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc thì phải được Đại hội thành viên chấp thuận và có thêm quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 46 của Luật này.

Điều 46. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 38 Luật HTX năm 2012)

1. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hằng ngày của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Thực hiện các nghị quyết của Đại hội thành viên, nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh;

d) Ký kết hợp đồng nhân danh tổ chức kinh tế hợp tác trong trường hợp là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính;

đ) Xây dựng phương án tổ chức bộ phận giúp việc, đơn vị trực thuộc của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trình Hội đồng quản trị quyết định;

e) Tuyển dụng lao động theo quyết định của Hội đồng quản trị;

g) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ và các quy chế khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Trường hợp Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc được thuê, không là thành viên chính thức thì ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này còn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng lao động và được tham gia cuộc họp Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là thành viên chính thức thì ngoài việc thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này còn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên chính thức.

5. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động hằng ngày của tổ chức kinh tế hợp tác theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, hợp đồng lao động và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thì Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

pháp luật và phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 47. Ban kiểm soát, kiểm soát viên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật HTX năm 2012)

1. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên do Đại hội thành viên bầu trực tiếp trong số thành viên chính thức theo hình thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Ban kiểm soát do Điều lệ quy định nhưng không quá 07 người.

2. Ban kiểm soát được thành lập tại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô vừa hoặc lớn, liên đoàn hợp tác xã. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, việc thành lập Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 72 và Điều 80 Luật này và do Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định.

3. Ban kiểm soát, kiểm soát viên hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Đại hội thành viên bầu trực tiếp trong số các thành viên Ban kiểm soát; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên của không quá 04 tổ chức kinh tế hợp tác.

Trường hợp không có thành viên đủ năng lực chuyên môn làm Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội thành viên thuê Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

5. Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị và quy chế của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (tổng Giám đốc), thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội thành viên, các quy chế của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

d) Kiểm tra hoạt động tài chính, việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ, tài sản, vốn vay của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và các khoản hỗ trợ của Nhà nước;

đ) Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm trước khi trình Đại hội thành viên;

e) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

g) Tiếp nhận kiến nghị liên quan tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên giải quyết theo thẩm quyền;

h) Trưởng Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được quyền biểu quyết;

i) Thông báo cho Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội thành viên về kết quả kiểm soát; kiến nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc (tổng Giám đốc) khắc phục những yếu kém, vi phạm trong hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

k) Yêu cầu cung cấp tài liệu, sổ sách, chứng từ và những thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác;

l) Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật này;

m) Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ.

6. Thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên được hưởng thù lao và được trả các chi phí cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 48. Điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) (Sửa đổi Điều 40 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức là thành viên;

b) Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng tổ chức và không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;

c) Điều kiện khác do Điều lệ hợp tác xã quy định.

2. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là thành viên chính thức hoặc được thuê ngoài;

b) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên khác của Ban kiểm soát;

c) Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên độc lập phải được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hợp tác có tư cách pháp nhân và được bồi dưỡng định kỳ trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghề Giám đốc tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Chính phủ quy định.

4. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc Giám đốc (Tổng Giám đốc):

a) Đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm sở hữu, các tội phạm về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng các chức danh quản lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 41 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức mất tư cách pháp nhân hoặc bị giải thể, phá sản;

d) Bị Tòa án tuyên án hình phạt tù hoặc bị cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề liên quan đến tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

đ) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ hoặc theo quy định trong hợp đồng lao động ký kết giữa tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đó.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 50. Tài sản góp vốn (Bổ sung)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. Cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng hợp pháp đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều này mới có quyền sử dụng tài sản đó để góp vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn (Bổ sung)

1. Thành viên phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định sau đây:

a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật. Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng đất đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ;

b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản.

2. Biên bản giao nhận tài sản góp vốn phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh của cá nhân hoặc giấy tờ pháp lý tương đương hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức góp vốn;

c) Loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong vốn Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

d) Ngày giao nhận; chữ ký của người góp vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền của người góp vốn và người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Việc góp vốn chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 52. Định giá tài sản góp vốn đối với tài sản không phải là Đồng Việt Nam (Sửa đổi, bổ sung Điều 42 Luật HTX năm 2012)

1. Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác phải được các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc tổ chức thẩm định giá định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.

2. Tài sản góp vốn khi thành lập tổ chức kinh tế hợp tác tác có tư cách pháp nhân phải được các thành viên định giá theo nguyên tắc đồng thuận hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được trên 50% số thành viên chính thức tham gia Hội nghị thành lập chấp thuận.

b) Trường hợp tài sản góp vốn được định giá bởi các thành viên cao hơn so với giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì các thành viên tham gia định giá cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.

3. Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng quản trị của tổ chức kinh tế hợp tác tác và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn, chủ sở hữu và Hội đồng quản trị chấp thuận. Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác tác có tư cách pháp nhân quy định cụ thể việc định giá vốn góp này.

Điều 53. Tăng, giảm vốn Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 43 Luật HTX năm 2012)

1. Vốn Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tăng trong trường hợp Đại hội thành viên quyết định tăng mức vốn góp tối thiểu hoặc huy động thêm vốn góp của thành viên chưa tới mức tối đa hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Vốn Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác tác có tư cách pháp nhân giảm khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trả lại vốn góp cho thành viên.

a) Trường hợp vốn Điều lệ giảm mà có thành viên có vốn góp vượt quá mức vốn góp tối đa theo quy định tại Điều 65, Điều 73 của Luật này thì phải trả lại phần vốn vượt mức vốn góp tối đa cho thành viên hoặc huy động thêm vốn góp của thành viên khác hoặc kết nạp thành viên mới để bảo đảm về tỷ lệ vốn góp tối đa theo quy định của Luật này và Điều lệ.

b) Đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoạt động trong ngành, nghề yêu cầu phải có vốn pháp định thì vốn Điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

Điều 54. Huy động vốn và các khoản trợ cấp, hỗ trợ (Sửa đổi Điều 44 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được hoạt động tín dụng nội bộ, huy động vốn từ thành viên để đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận với thành viên.

2. Trường hợp huy động vốn từ thành viên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Lãi suất huy động từ tổ chức, cá nhân do Điều lệ quy định nhưng không được vượt quá lãi suất 20% vốn vay hằng năm.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

4. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân tiếp nhận các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước bằng tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ được tính vào quỹ chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

b) Khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước bằng hiện vật, tài sản cố định được định giá tại thời điểm bàn giao và tính vào tài sản chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Khoản trợ cấp, hỗ trợ khác theo quy định hoặc hướng dẫn cụ thể của Nhà nước. Trường hợp không có quy định, Đại hội thành viên hoặc Hội đồng quản trị quyết định.

6. Việc quản lý, sử dụng các khoản trợ cấp, hỗ trợ có yếu tố nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 55. Vốn hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 45 Luật HTX năm 2012)

1. Vốn hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gồm vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn, phí thành viên liên kết không góp vốn, vốn huy động, vốn tích luỹ, quỹ chung không chia, các quỹ khác và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Điều lệ quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng vốn hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp (Bổ sung, sửa đổi Điều 20 Nghị định 193/2013/NĐ-CP)

1. Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Được Đại hội thành viên quyết định, thông qua;

b) Không được sử dụng các nguồn vốn thuộc quỹ chung không chia và tài sản chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân để góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp;

c) Tổng mức đầu tư của việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp do Điều lệ quy định;

d) Hoạt động kinh doanh có lãi ít nhất 02 năm liên tiếp gần nhất.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thông báo với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký. Nội dung gồm có:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác;

b) Ngành, nghề hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

c) Họ, tên, chữ ký, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

d) Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, số giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp mà tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân góp vốn, mua cổ phần hoặc thành lập;

đ) Số vốn góp; giá trị số cổ phần mua; số vốn Điều lệ của doanh nghiệp được thành lập;

Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận thông báo, lưu hồ sơ và ghi vào sổ theo dõi.

4. Tùy thuộc loại hình pháp lý của doanh nghiệp được góp vốn, mua cổ phần, thành lập, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu trong quan hệ với doanh nghiệp theo quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Quan hệ giữa doanh nghiệp được góp vốn, mua cổ phần, thành lập và tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải được thiết lập trên cơ sở các hợp đồng, khế ước giao dịch và các văn bản khác và thực hiện độc lập, bình đẳng theo quy định áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

Điều 57. Chế độ tài chính, kế toán (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hạch toán kế toán riêng các khoản thu và chi của giao dịch bên trong và giao dịch bên ngoài.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 58. Trích lập quỹ chung không chia (bổ sung)

Quỹ chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được trích lập trước thuế hằng năm tại thời điểm kết thúc năm tài chính từ các nguồn sau:

1. Phần thặng dư của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, tỷ lệ trích lập theo quy định của Điều lệ.

2. Phần lợi nhuận của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, tỷ lệ trích lập do Điều lệ quy định nhưng không thấp hơn:

a) 5% đối với hợp tác xã.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) 10% đối với liên hiệp hợp tác xã.

c) 15% đối với liên đoàn hợp tác xã.

3. Tiền chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia đã hết khấu hao.

4. Khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước.

5. Khoản cho, tặng và các khoản hỗ trợ hợp pháp khác bằng tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ theo thỏa thuận.

Điều 59. Phân phối thu nhập (Sửa đổi, bổ sung Điều 46 Luật HTX năm 2012)

Sau khi trích lập quỹ chung không chia, nộp thuế, hoàn thành nghĩa vụ tài chính khác và xử lý lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, thu nhập của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được phân phối như sau:

1. Trích lập các quỹ khác do Đại hội thành viên quyết định.

2. Phần thặng dư còn lại sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 58 và Khoản 1 Điều này được phân phối cho thành viên chính thức theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ;

b) Theo công sức lao động;

c) Theo tỷ lệ vốn góp.

3. Phần lợi nhuận còn lại sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 58 và Khoản 1 Điều này được phân phối cho thành viên chính thức theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Theo tỷ lệ vốn góp;

b) Theo công sức lao động.

4. Tỷ lệ và phương thức phân phối cụ thể do Điều lệ quy định.

Điều 60. Quản lý, sử dụng các quỹ (Sửa đổi, bổ sung Điều 47, Luật HTX năm 2012)

1. Quỹ chung không chia không được chia lại cho thành viên dưới mọi hình thức, trong mọi trường hợp, kể cả trường hợp giải thể, phá sản tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Quỹ chung không chia được sử dụng để đầu tư phát triển hình thành tài sản chung không chia, dự phòng tài chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và được trích lập hằng năm theo quy định tại Điều 58 Luật này.

2. Việc quản lý, sử dụng các quỹ phải được quy định trong Điều lệ, quy chế về quản lý tài chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hằng năm, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội thành viên về việc quản lý, sử dụng các quỹ trong năm và phương hướng sử dụng các quỹ năm tiếp theo.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 61. Tài sản, tài sản chung không chia (Sửa đổi Điều 48 Luật HTX năm 2012)

1. Tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được hình thành từ nguồn sau đây:

a) Vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết có góp vốn, phí thành viên liên kết không góp vốn;

b) Vốn huy động của thành viên và vốn huy động khác;

c) Vốn, tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động;

d) Khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước và khoản được tặng, cho bằng hiện vật khác.

2. Tài sản chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bao gồm:

a) Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất;

b) Tài sản cố định hình thành từ quỹ chung không chia;

c) Tài sản cố định do Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ hoặc do cá nhân, tổ chức cho tặng theo thỏa thuận là tài sản chung không chia.

d) Tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản chung không chia.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quản lý, sử dụng tài sản chung không chia theo nguyên tắc sau:

a) Quản lý, sử dụng tài sản quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này theo đúng quy định của Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân tài trợ và pháp luật có liên quan (nếu có).

b) Chịu trách nhiệm bảo vệ; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ; sửa chữa bằng chi phí của mình trong quá trình sử dụng.

c) Trường hợp tài sản chung không chia lạc hậu công nghệ, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được phép chuyển nhượng cho tổ chức kinh tế hợp tác khác khi Đại hội thành viên và cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đồng ý. Nếu không có tổ chức kinh tế hợp tác nào nhận chuyển nhượng tài sản này thì tài sản này được phép thanh lý. Số tiền thu được phải đưa vào quỹ chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục chuyển nhượng tài sản chung không chia trong trường hợp này.

d) Trường hợp tài sản chung không chia hết khấu hao hoặc hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng thì được phép thanh lý. Số tiền thu được từ thanh lý được đưa vào quỹ chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định của Điều lệ, nghị quyết Đại hội thành viên, quy chế quản lý tài chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và các quy định của pháp luật.

Điều 62. Xử lý tài sản và vốn khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân giải thể (Sửa đổi, bổ sung Điều 49 Luật HTX năm 2012)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Trình tự xử lý vốn, tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân:

a) Thu hồi, xử lý tài sản chung không chia và quỹ chung không chia theo khoản 3 Điều này;

b) Thu hồi các tài sản khác;

c) Chuyển nhượng, thanh lý tài sản;

d) Thanh toán các khoản nợ phải trả và thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Xử lý vốn, tài sản còn lại thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Thanh toán chi phí giải thể, bao gồm cả khoản chi cho việc thu hồi, định giá và thanh lý tài sản;

b) Thanh toán nợ lương, trợ cấp và bảo hiểm xã hội của người lao động;

c) Thanh toán các khoản nợ có bảo đảm theo quy định của pháp luật;

d) Thanh toán các khoản nợ không bảo đảm;

đ) Giá trị còn lại được chia cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp trên tổng số vốn Điều lệ.

e) Trường hợp không đủ để thanh toán các khoản nợ thuộc cùng một hàng ưu tiên thanh toán thì thực hiện thanh toán một phần theo tỷ lệ tương ứng với các khoản nợ phải chi trả trong hàng ưu tiên đó.

3. Xử lý quỹ chung không chia, tài sản chung không chia theo trình tự như sau như sau:

a) Tài sản chung không chia là quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất xử lý theo pháp luật về đất đai;

b) Tài sản chung không chia, quỹ chung không chia còn lại được bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định để giao cho tổ chức kinh tế hợp tác khác hoặc liên minh hợp tác xã hoặc tổ chức khác nhằm mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng dân cư tại địa bàn.

c) Cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định phối hợp với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân xử lý tài sản chung không chia khi có thông báo về giải thể từ tổ chức kinh tế hợp tác hoặc Cơ quan đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác hoặc Tòa án.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 63. Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 50 Luật HTX năm 2012)

1. Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ thì tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải xử lý giảm lỗ theo quy định của pháp luật. Trường hợp đã xử lý giảm lỗ nhưng vẫn không đủ thì sử dụng quỹ chung không chia theo quy định của Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định để bù đắp; nếu vẫn chưa đủ thì khoản lỗ còn lại được chuyển sang năm sau; khoản lỗ này được

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển các khoản lỗ thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 64. Trình tự trả lại phần vốn góp (Sửa đổi Điều 51 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên chỉ được trả lại vốn góp sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của mình đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

2. Việc trả lại vốn góp cho thành viên được quy định trong Điều lệ, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và không trái với các quy định của pháp luật.

Chương VI

HỢP TÁC XÃ

Điều 65. Hợp tác xã (Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Luật HTX năm 2012)

1. Hợp tác xã là tổ chức kinh tế hợp tác, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất **05** thành viên tự nguyện thành lập nhằm mang lại lợi ích, tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của thành viên và xây dựng cộng đồng các tổ chức kinh tế hợp tác ngày một lớn mạnh, bền vững.

2. Thành viên hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết là cá nhân, pháp nhân.

3. Hợp tác xã là thành viên của liên minh hợp tác xã cấp tỉnh nơi hợp tác xã đăng ký.

4. Khuyến khích hợp tác xã thành lập hoặc tham gia liên hiệp hợp tác xã, liên đoàn hợp tác xã.

Điều 66. Điều kiện trở thành thành viên (Sửa đổi bổ sung Điều 13 Luật HTX năm 2012)

1. Cá nhân, pháp nhân trở thành thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết của hợp tác xã phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Cá nhân từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì có thể trở thành thành viên tổ hợp tác nhưng không tham gia thành lập, quản lý. Đại diện hợp pháp của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức không có tư cách pháp nhân khác;

Tổ chức là pháp nhân Việt Nam.

b) Các điều kiện khác do Điều lệ quy định.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Thành viên của hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều hợp tác xã, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

3. Đối với hợp tác xã có ngành nghề kinh doanh hạn chế về tỷ lệ sở hữu vốn của người nước ngoài thì việc tham gia của người nước ngoài vào hợp tác xã phải tuân thủ các quy định của pháp luật đầu tư liên quan tới ngành nghề đó.

4. Trường hợp người nước ngoài là thành viên, làm việc tại hợp tác xã thì phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam đối với lao động là người nước ngoài.

Điều 67. Quyền của thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

a) Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm;

b) Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ của hợp tác xã.

c) Được hưởng các phúc lợi của hợp tác xã.

d) Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên hợp tác xã;

đ) Được biểu quyết các nội dung thuộc quyền của Đại hội thành viên theo quy định tại Điều 38 của Luật này. Mỗi thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên chính thức tham dự có một phiếu biểu quyết tại Đại hội thành viên.

e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên (nếu có) và các chức danh khác được bầu của hợp tác xã.

g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên giải trình về hoạt động của hợp tác xã; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định của Luật này và Điều lệ.

h) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của hợp tác xã.

i) Ra khỏi hợp tác xã theo quy định của Điều lệ.

k) Chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ;

l) Được trả lại vốn góp khi ra khỏi hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

m) Được nhận phần giá trị tài sản được chia còn lại của hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

o) Quyền khác theo quy định của Điều lệ.

2. Thành viên liên kết có các quyền sau đây:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Các quyền quy định tại điểm a, c, h, i, n, o khoản 1 Điều này.

b) Được mời tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại Đại hội thành viên hợp tác xã.

c) Thành viên liên kết có góp vốn có thêm các quyền quy định tại điểm k, l, m khoản 1 Điều này.

Điều 68. Nghĩa vụ của thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ đối với hợp tác xã sau đây:

a) Góp đủ, đúng thời hạn vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ.

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã.

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi vốn góp vào hợp tác xã.

d) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ hợp tác xã.

đ) Tuân thủ Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị hợp tác xã.

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ.

2. Thành viên liên kết có nghĩa vụ đối với hợp tác xã sau đây:

a) Thành viên liên kết có góp vốn có thêm nghĩa vụ quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.

b) Thành viên liên kết không góp vốn phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã.

c) Thành viên liên kết có nghĩa vụ khác theo quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này.

Điều 69. Chấm dứt tư cách thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Luật HTX năm 2012)

1. Tư cách thành viên chính thức bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị kết án phạt tù theo quy định của pháp luật;

b) Hợp tác xã bị giải thể, phá sản;

c) Thành viên tự nguyện ra khỏi hợp tác xã;

d) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

đ) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

e) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ;

g) Trường hợp khác do Điều lệ quy định.

2. Tư cách thành viên liên kết bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, g khoản 1 Điều này;

b) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ, không góp vốn, không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

c) Thành viên liên kết không góp vốn không đóng phí thành viên liên kết quy định tại Điều lệ.

3. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên do Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo Đại hội thành viên gần nhất.

4. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Điều 70. Góp vốn Điều lệ (Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật HTX năm 2012)

1. Vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ nhưng không quá 30% vốn Điều lệ.

2. Vốn góp của tất cả thành viên liên kết có góp vốn thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ nhưng không quá 30% vốn Điều lệ.

Điều 71. Trả lại, thừa kế vốn góp (Sửa đổi Điều 18 Luật HTX năm 2012)

1. Hợp tác xã trả lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa khi vốn góp của thành viên vượt quá mức vốn tối đa quy định tại Điều 70 của Luật này.

2. Trường hợp thành viên có góp vốn là cá nhân chết thì người thừa kế nếu đáp ứng đủ điều kiện của Luật này và Điều lệ, tự nguyện tham gia hợp tác xã thì trở thành thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết có góp vốn và tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết có góp vốn; nếu không tham gia hợp tác xã thì được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành viên có góp vốn là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích, việc trả lại vốn góp và quản lý tài sản của người mất tích thì vốn góp của thành viên đó được chuyển vào quỹ chung không chia của hợp tác xã.

3. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì vốn góp được trả lại cho người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật.

4. Trường hợp thành viên là pháp nhân bị tổ chức lại, giải thể, phá sản thì việc trả lại, kế thừa vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Trường hợp vốn góp của thành viên là cá nhân không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì vốn góp được chuyển vào quỹ chung không chia của hợp tác xã.

6. Trường hợp người thừa kế tự nguyện để lại tài sản thừa kế cho hợp tác xã thì vốn góp đó được đưa vào quỹ chung không chia hoặc tài sản chung không chia của hợp tác xã.

Điều 72. Cơ cấu tổ chức (Sửa đổi, bổ sung Điều 29 Luật HTX năm 2012)

1. Cơ cấu tổ chức hợp tác xã gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

2. Trường hợp hợp tác xã quy mô siêu nhỏ có thể lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị (trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc), không bắt buộc có Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

Chương VII

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

Điều 73. Liên hiệp hợp tác xã (Sửa đổi Điều 3 Luật HTX năm 2012)

1. Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế hợp tác, do ít nhất **03 hợp tác xã** tự nguyện thành lập nhằm mang lại lợi ích, tạo điều kiện thuận lợi cho thành viên mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường và xây dựng cộng đồng các tổ chức kinh tế hợp tác ngày một lớn mạnh, bền vững.

2. Liên hiệp hợp tác xã là thành viên của liên minh hợp tác xã cấp tỉnh nơi liên hiệp hợp tác xã đăng ký.

3. Khuyến khích liên hiệp hợp tác xã thành lập hoặc tham gia liên đoàn hợp tác xã.

Điều 74. Thành viên liên hiệp hợp tác xã (Sửa đổi bổ sung Điều 13 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên liên hiệp hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết.

Thành viên chính thức là các hợp tác xã.

Thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân.

2. Thành viên của liên hiệp hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều liên hiệp hợp tác xã, nếu Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã không có quy định khác.

Điều 75. Quyền của thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Được liên hiệp hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm;

b) Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã.

c) Được hưởng các phúc lợi của liên hiệp hợp tác xã.

d) Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên;

đ) Được biểu quyết các nội dung thuộc quyền của Đại hội thành viên theo quy định tại Điều 38 của Luật này. Mỗi thành viên chính thức hoặc đại biểu thành viên chính thức tham dự có số lượng phiếu biểu quyết tương ứng theo số lượng thành viên chính thức của các hợp tác xã thành viên trong liên hiệp hợp tác xã tại Đại hội thành viên do Điều lệ quy định.

e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên và các chức danh khác được bầu của liên hiệp hợp tác xã.

g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên giải trình về hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định của Luật này và Điều lệ.

h) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của liên hiệp hợp tác xã.

i) Ra khỏi liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Điều lệ.

k) Chuyển vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ;

l) Được trả lại vốn góp khi ra khỏi liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

m) Được chia giá trị tài sản được chia còn lại của liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

o) Quyền khác theo quy định của Điều lệ.

2. Thành viên liên kết có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại điểm a, c, h, i, n, o khoản 1 Điều này.

b) Được mời tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại Đại hội thành viên.

c) Thành viên liên kết có góp vốn có thêm các quyền quy định tại điểm k, l, m khoản 1 Điều này.

Điều 76. Nghĩa vụ của thành viên (Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Luật HTX năm 2012)

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ đối với liên hiệp hợp tác xã sau đây:

a) Góp đủ, đúng thời hạn vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của liên hiệp hợp tác xã hoặc góp sức lao động.

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi vốn góp.

d) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

đ) Tuân thủ Điều lệ, quy chế của liên hiệp hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã.

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ.

2. Thành viên liên kết có nghĩa vụ đối với liên hiệp hợp tác xã sau đây:

a) Góp đủ, đúng thời hạn vốn góp đã cam kết (nếu có), phí thành viên liên kết theo quy định của Điều lệ.

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của liên hiệp hợp tác xã hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với liên hiệp hợp tác xã.

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này.

d) Thành viên liên kết có góp vốn có thêm nghĩa vụ quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.

Điều 77. Chấm dứt tư cách thành viên (Sửa đổi Điều 16 Luật HTX năm 2012)

1. Tư cách thành viên chính thức bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên là hợp tác xã bị giải thể, phá sản;

b) Liên hiệp hợp tác xã bị giải thể, phá sản;

c) Thành viên tự nguyện ra khỏi liên hiệp hợp tác xã;

d) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

đ) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp vốn, không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ liên hiệp hợp tác xã;

e) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ;

g) Trường hợp khác do Điều lệ quy định.

2. Tư cách thành viên liên kết bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều này;

b) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ, không góp vốn, không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

c) Thành viên liên kết không góp vốn không đóng phí thành viên liên kết quy định tại Điều lệ.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên do Hội đồng quản trị quyết định và báo cáo Đại hội thành viên gần nhất.

4. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Điều 78. Góp vốn Điều lệ (Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Luật HTX năm 2012)

Vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ nhưng không quá **40%** vốn Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã.

Điều 79. Trả lại vốn góp (Sửa đổi Điều 17 Luật HTX năm 2012)

1. Liên hiệp hợp tác xã lại vốn góp cho thành viên khi chấm dứt tư cách thành viên hoặc trả lại phần vốn vượt quá mức vốn góp tối đa khi vốn góp của thành viên vượt quá mức vốn tối đa quy định tại Điều 78 của Luật này.

2. Trường hợp thành viên bị tổ chức lại, giải thể, phá sản thì việc trả lại, kế thừa vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Cơ cấu tổ chức (Sửa đổi, bổ sung Điều 29 Luật HTX năm 2012)

1. Cơ cấu tổ chức liên hiệp hợp tác xã gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

2. Trường hợp liên hiệp hợp tác xã quy mô siêu nhỏ có thể lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị (trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc), Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

Chương VIII

LIÊN ĐOÀN HỢP TÁC XÃ

Điều 81. Liên đoàn hợp tác xã (bổ sung)

1. Liên đoàn hợp tác xã là tổ chức kinh tế hợp tác có quy mô cấp vùng, cấp quốc gia hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhất định, do ít nhất 05 liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã tự nguyện thành lập nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và năng lực xuất-nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ nhu cầu thành viên, đồng thời hỗ trợ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho thành viên của mình.

2. Liên đoàn hợp tác xã là thành viên của Liên minh hợp tác xã Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của liên đoàn hợp tác xã.

Điều 82. Thành viên của liên đoàn hợp tác xã (bổ sung)

1. Thành viên liên đoàn hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết.

Thành viên chính thức là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Thành viên liên kết là các tổ chức kinh tế khác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Thành viên của liên đoàn hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều liên đoàn hợp tác xã, nếu Điều lệ liên đoàn hợp tác xã không có quy định khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết về quyền, nghĩa vụ thành viên của liên đoàn hợp tác xã.

Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của liên đoàn hợp tác xã (bổ sung)

Ngoài quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định tại Điều 10, Điều 11 của Luật này, liên đoàn hợp tác xã có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Nhận ủy quyền, thay mặt thành viên thực hiện các nhiệm vụ, biện pháp thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế của thành viên đối với các đối tác trên thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định pháp luật.

2. Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của thành viên đối với liên minh hợp tác xã và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương.

3. Hướng dẫn các thành viên thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của thành viên.

4. Tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho các thành viên về pháp lý, đầu tư, khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo, thông tin, tài chính, tín dụng, thị trường, kiểm toán, bảo hiểm, kiểm định chất lượng hàng hóa và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn các thành viên hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả.

6. Thành lập doanh nghiệp hoặc liên kết với các tổ chức kinh tế khác để hình thành các chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ khép kín, phát triển kinh tế tuần hoàn gắn với tăng trưởng xanh phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

7. Tổ chức các hoạt động kinh tế vì mục tiêu hỗ trợ thành viên; huy động nguồn lực hợp pháp trong nước và nước ngoài phục vụ hoạt động của liên đoàn hợp tác xã.

8. Tham gia các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, phát triển quan hệ hợp tác với tổ chức ở các nước theo quy định của pháp luật; tiếp nhận và tổ chức thực hiện chương trình, dự án hỗ trợ, viện trợ để phát triển kinh tế hợp tác theo quy định của pháp luật.

Chương IX

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 84. Chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên hiện có (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhận bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới).

2. Thủ tục chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được quy định như sau:

a) Đại hội thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia thông qua nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật này và Điều lệ. Nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia, tên các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân sẽ thành lập; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chia tài sản; phương án sử dụng lao động; cách thức phân chia, thời hạn và thủ tục chuyển đổi vốn góp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia sang các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới thành lập; nguyên tắc giải quyết nghĩa vụ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia; thời hạn thực hiện chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định hoặc thông qua nghị quyết;

b) Đại hội thành viên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới được thành lập thông qua Điều lệ, quyết định cơ cấu tổ chức, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và tiến hành đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới phải kèm theo nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định tại điểm a khoản này.

3. Số lượng thành viên có góp vốn và số lượng, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của thành viên và vốn điều lệ của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới sẽ được ghi tương ứng với cách thức phân chia, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia sang các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới theo nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác. Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đó thực hiện nghĩa vụ này. Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới đương nhiên kế thừa

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết, quyết định chia tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác cho các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia có trụ sở chính thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới phải thông báo việc đăng ký cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia đặt trụ sở chính để cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị chia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 85. Tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 52 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên của mình (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách) để thành lập một hoặc một số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách mà không chấm dứt tồn tại của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên tương ứng với phần vốn góp và số lượng thành viên giảm xuống (nếu có); đồng thời đăng ký đối với các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách.

3. Thủ tục tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được quy định như sau:

a) Đại hội thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách thông qua nghị quyết, quyết định tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật này và Điều lệ. Nghị quyết, quyết định tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách; tên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; cách thức tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân; giá trị tài sản, quyền và nghĩa vụ được chuyển từ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách sang tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách; thời hạn thực hiện tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Nghị quyết, quyết định tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định hoặc thông qua nghị quyết;

b) Đại hội thành viên tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách thông qua Điều lệ, quyết định cơ cấu tổ chức của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, bầu chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

kiểm soát, thành viên ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và tiến hành đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật này.

4. Sau khi đăng ký, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách và tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách, trừ trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị tách, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách, chủ nợ, khách hàng và người lao động của tổ chức kinh tế hợp tác bị tách có thỏa thuận khác. Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được tách đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp được phân chia theo nghị quyết, quyết định tách tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 86. Hợp nhất tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Luật HTX năm 2012)

1. Hai hoặc một số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân mới (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các tổ chức kinh tế hợp tác tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất.

2. Thủ tục hợp nhất được quy định như sau:

a) Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất chuẩn bị hợp đồng hợp nhất, dự thảo Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất thành phần vốn góp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất;

b) Đại hội thành viên của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ, quyết định cơ cấu tổ chức, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên và tiến hành đăng ký đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất theo quy định của Luật này. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua.

3. Sau khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất đăng ký, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các tổ chức

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất theo hợp đồng hợp nhất tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất đặt trụ sở chính thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hợp nhất đặt trụ sở chính phải thông báo việc đăng ký cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất đặt trụ sở chính để cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị hợp nhất trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 87. Sáp nhập tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Luật HTX năm 2012)

1. Một hoặc một số tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân khác (sau đây gọi là tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập.

2. Thủ tục sáp nhập được quy định như sau:

a) Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập thành phần vốn góp của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;

b) Các thành viên, hợp tác xã thành viên của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân liên quan thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập và tiến hành đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập theo quy định của Luật này. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua;

c) Sau khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập được đăng ký, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của tổ chức kinh tế hợp tác có tư

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

cách pháp nhân bị sáp nhập. Các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập đương nhiên kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, và lợi ích hợp pháp của các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập theo hợp đồng sáp nhập.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập đặt trụ sở chính thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân nhận sáp nhập đặt trụ sở chính thông báo việc đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập đặt trụ sở chính để cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 88. Các trường hợp giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị giải thể trong trường hợp sau đây:

a) Theo nghị quyết, quyết định Đại hội thành viên;

b) Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không bảo đảm đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong 12 tháng liên tục;

c) Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không tổ chức được Đại hội thành viên thường niên trong 18 tháng liên tục mà không có lý do;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không có tranh chấp trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan và tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 89. Trình tự, thủ tục giải thể tự nguyện (Sửa đổi, bổ sung Điều 54 Luật HTX năm 2012)

Việc giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đại hội thành viên thông qua nghị quyết, quyết định giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Nghị quyết, quyết định giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn và thủ tục bàn giao tài sản chung không chia, quỹ chung không chia cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định;

d) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

đ) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

e) Họ, tên, chữ ký của của tất cả thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tất cả thành viên là tổ chức;

2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, trừ trường hợp Điều lệ quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng;

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết, Hội đồng quản trị hoàn thành các công việc sau:

a) Gửi nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định, cơ quan thuế, người lao động trong tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

b) Đăng nghị quyết, quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác

c) Niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

d) Trường hợp còn nghĩa vụ tài chính chưa giải quyết thì phải gửi nghị quyết, quyết định giải thể kèm theo phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác, cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có);

5. Việc xử lý tài sản và vốn của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Luật này.

6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

7. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

từ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 90. Trình tự, thủ tục giải thể bắt buộc (Sửa đổi, bổ sung Điều 54 Luật HTX năm 2012)

Việc giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân trong trường hợp điểm b, c, d khoản 1 Điều 88 hoặc theo quyết định của Tòa án được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đang làm thủ tục giải thể cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định và trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Nghị quyết, quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định, cơ quan thuế, người lao động trong tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân. Đối với trường hợp pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì nghị quyết, quyết định giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải được đăng ít nhất trên 01 tờ báo in hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3. Việc xử lý tài sản và vốn của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Luật này.

4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân gửi hồ sơ giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của tổ chức kinh tế hợp tác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

5. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày thông báo tình trạng đang làm thủ tục giải thể tổ chức kinh tế hợp tác theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của tổ chức kinh tế hợp tác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức kinh tế hợp tác có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục giải thể đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã ngừng hoạt động nhưng vướng mắc trong thủ tục giải thể trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 91. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương yêu cầu tổ chức kinh tế hợp tác tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh trong trường hợp sau đây:

a) Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi phát hiện tổ chức kinh tế hợp tác không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật;

b) Tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một, một số ngành, nghề kinh doanh hoặc trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án.

3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải nộp đủ số thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục phối hợp giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 92. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Bổ sung)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Kể từ khi có quyết định giải thể, tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị nghiêm cấm thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;

b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

d) Ký kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân;

đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Điều 93. Giải quyết tuyên bố phá sản đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 55 Luật HTX năm 2012)

Việc giải quyết phá sản đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản, trừ việc giải quyết quỹ chung không chia và tài sản chung không chia quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật này.

Điều 94. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân (Sửa đổi Điều 56 Luật HTX năm 2012)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký một trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân là giả mạo;

b) Kinh doanh ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;

c) Ngừng kinh doanh trên 01 năm mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;

d) Theo quyết định của Tòa án;

đ) Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật;

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

Chương X

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

KIỂM TOÁN TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

Điều 95. Đối tượng áp dụng (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải kiểm toán bao gồm:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô **vừa và lớn** theo quy định tại Điều 8 của Luật này;

b) Liên đoàn hợp tác xã;

c) Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có hoạt động tín dụng nội bộ;

d) Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân phải kiểm toán do Điều lệ và pháp luật khác quy định.

2. Phạm vi và tần suất kiểm toán theo quy định tại Điều 98 Luật này.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được Nhà nước khuyến khích thực hiện kiểm toán nội bộ. Riêng Quỹ tín dụng nhân dân kiểm toán nội bộ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 96. Nội dung kiểm toán và tổ chức kiểm toán (Bổ sung)

1. Nội dung kiểm toán bao gồm kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập.

2. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thuê dịch vụ kiểm toán chuyên nghiệp hoạt động theo pháp luật về kiểm toán để thực hiện kiểm toán độc lập.

3. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thuê tự thực hiện kiểm toán nội bộ hoặc thuê chuyên gia kiểm toán chuyên nghiệp hỗ trợ thực hiện kiểm toán nội bộ.

3. Nhà nước có chính sách hỗ trợ tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân thực hiện kiểm toán.

Điều 97. Sử dụng báo cáo kiểm toán tổ chức kinh tế hợp tác (Bổ sung)

Báo cáo kiểm toán tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được sử dụng để:

1. Báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 13 Luật này;

2. Thành viên, bên tham gia liên doanh, liên kết, khách hàng và tổ chức, cá nhân khác có quyền lợi trực tiếp hoặc liên quan đến tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân được kiểm toán hiểu rõ và xử lý đúng các quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan;

3. Cơ quan nhà nước quản lý điều hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

4. Cơ quan nhà nước có căn cứ tin cậy để xem xét, đánh giá tiêu chí hỗ trợ, hiệu quả trước và sau khi được Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức kinh tế hợp tác có tư

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

cách pháp nhân;

5. Tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân kịp thời phát hiện, xử lý và ngăn ngừa các sai sót, yếu kém trong hoạt động của mình.

Điều 98. Phạm vi và tần suất kiểm toán (Bổ sung)

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô lớn theo quy định tại Điều 8 Luật này, liên đoàn hợp tác xã bắt buộc phải kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm; kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động với tần suất 03 năm/lần.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quy mô vừa theo quy định tại Điều 8 Luật này bắt buộc kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo tài chính với tần suất 02 năm/lần; kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động với tần suất 03 năm/lần.

3. Chính phủ quy định kiểm toán đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân có hoạt động tín dụng nội bộ.

4. Theo quy định của pháp luật khác và Điều lệ của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

Phần thứ ba

TỔ HỢP TÁC

Chương XI

QUY ĐỊNH VỀ TỔ HỢP TÁC

Điều 99. Tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Tổ hợp tác là tổ chức kinh tế hợp tác không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động theo quy định của Luật này để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

2. Hợp đồng hợp tác giữa các thành viên tổ hợp tác được ký kết và thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Điều 100. Quyền và nghĩa vụ của tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Tổ hợp tác có quyền sau:

a) Tổ hợp tác có tên riêng;

b) Tự do hoạt động, kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm; được quyền kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức để mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Ký kết các giao dịch dân sự theo quy định pháp luật;

e) Được tiếp cận với các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác của Nhà nước;

g) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ hợp tác có nghĩa vụ sau:

a) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, người lao động, tổ chức và cá nhân có liên quan.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với thành viên, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng hợp tác và pháp luật có liên quan.

Điều 101. Thành viên tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Thành viên tổ hợp tác phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Cá nhân từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì có thể trở thành thành viên tổ hợp tác nhưng không tham gia thành lập, quản lý.

Tổ chức là pháp nhân Việt Nam.

b) Tự nguyện gia nhập và chấp thuận nội dung hợp đồng hợp tác.

c) Góp vốn, góp sức lao động theo quy định của hợp đồng hợp tác.

d) Điều kiện khác theo quy định của hợp đồng hợp tác.

2. Sau khi thành lập tổ hợp tác, cá nhân, pháp nhân được gia nhập và công nhận là thành viên tổ hợp tác khi đáp ứng khoản 1 Điều này và được ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác đồng ý, ký và ghi tên vào hợp đồng hợp tác.

3. Cá nhân, pháp nhân bị chấm dứt tư cách thành viên có quyền yêu cầu nhận lại vốn góp (nếu có) sau khi thanh toán các nghĩa vụ theo thoả thuận.

4. Chính phủ quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ của thành viên, chấm dứt tư cách thành viên tổ hợp tác.

Điều 102. Thành lập, đăng ký tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Việc thành lập tổ hợp tác do các cá nhân, pháp nhân có nhu cầu đứng ra vận động thành lập và tổ chức hoạt động.

2. Các nội dung chính về thành lập và tổ chức, hoạt động tổ hợp tác được các thành viên tổ hợp tác bàn bạc và thống nhất, ghi vào hợp đồng hợp tác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền đăng ký tổ hợp tác tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ hợp tác có hoạt động chính.

4. Trường hợp hợp đồng hợp tác của tổ hợp tác có thời gian hợp tác dưới 06 tháng và chỉ góp sức lao động thì tổ hợp tác không phải đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh.

5. Chính phủ quy định chi tiết đăng ký.

Điều 103. Cơ chế điều hành, hoạt động của tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Tổ hợp tác bầu tổ trưởng và tổ chức các cuộc họp thành viên để điều hành các hoạt động của tổ hợp tác. Trong trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có thể bầu ban điều hành.

2. Tổ trưởng và các thành viên ban điều hành tổ hợp tác (nếu có) được bầu khi có trên một nửa tổng số thành viên tán thành, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

3. Cuộc họp thành viên quyết định những vấn đề quan trọng nhất của tổ hợp tác.

4. Tổ trưởng tổ hợp tác tổ chức, điều hành hoạt động của tổ hợp tác theo phạm vi, nhiệm vụ được quy định trong hợp đồng hợp tác.

5. Ban điều hành (nếu có) chịu trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ quản lý, điều hành tổ hợp tác theo sự phân công của tổ trưởng tổ hợp tác và phải được các thành viên tán thành.

Điều 104. Tài sản chung, tài chính của tổ hợp tác (Bổ sung)

1. Tài sản chung của tổ hợp tác bao gồm: vốn góp; phần được trích từ hoa lợi, lợi tức sau thuế; tài sản khác do các thành viên đóng góp, cùng tạo lập; hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước hoặc các cá nhân, tổ chức khác tài trợ, tặng, cho; tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc định đoạt tài sản, tài chính của tổ hợp tác do các thành viên tổ hợp tác quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp tổ hợp tác được Nhà nước, cá nhân, tổ chức khác trao quyền hưởng dụng tài sản thì thực hiện quyền hưởng dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự.

4. Quản lý, sử dụng tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác theo quy định Luật này và Bộ luật Dân sự.

5. Tổ hợp tác thực hiện các quy định về tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.

Điều 105. Chấm dứt tổ hợp tác (Bổ sung)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Tổ hợp tác chấm dứt hoạt động trong trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác;

b) Mục đích hợp tác đã đạt được;

c) Không duy trì số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 99 của Luật này;

d) Theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định;

đ) Theo quy định của hợp đồng hợp tác và pháp luật có liên quan;

e) Theo thỏa thuận của các thành viên tổ hợp tác và được 100% tổng số thành viên tán thành.

2. Trường hợp tổ hợp tác phải đăng ký theo Điều 102 Luật này, đại diện tổ hợp tác phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hoạt động.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 106. Chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã (Bổ sung)

1. Tổ hợp tác đã đăng ký kinh doanh được phép chuyển đổi sang hợp tác xã khi được 100% tổng số thành viên tán thành và cam kết tham gia là thành viên của hợp tác xã.

2. Việc đăng ký thành lập hợp tác xã trên cơ sở chuyển đổi từ tổ hợp tác thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính theo quy định tại Điều 20 Luật này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác.

4. Hợp tác xã mới được thành lập đương nhiên kế thừa quyền, nghĩa vụ của tổ hợp tác kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tất cả thành viên chịu trách nhiệm theo thỏa thuận hợp đồng hợp tác đối với tất cả khoản nợ phát sinh trước ngày tổ hợp tác được chuyển đổi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 107. Xử lý tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác, tài chính của tổ hợp tác sau khi chấm dứt hoạt động (Bổ sung)

1. Đối với các trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 104 của Luật này, tổ hợp tác phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ tài sản khác phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ hợp tác bằng tài sản chung của tổ hợp tác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Trường hợp tài sản chung của tổ hợp tác không đủ để thanh toán các nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ tài sản khác thì các thành viên tổ hợp tác có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ này bằng tài sản riêng tương ứng với phần vốn góp của mình, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan quy định khác.

3. Đối với các tài sản hình thành từ nguồn hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước hoặc được tặng, cho bởi cá nhân, tổ chức khác mà theo yêu cầu của Nhà nước hoặc bên tặng, cho, tổ hợp tác không có quyền định đoạt phần tài sản này, thì khi chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác phải bàn giao cho cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương do Chính phủ quy định để giao cho tổ chức kinh tế hợp tác khác hoặc liên minh hợp tác xã hoặc các tổ chức phục vụ mục đích cho cộng đồng dân cư trên địa bàn.

4. Trường hợp sau khi đã thanh toán xong các nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ tài sản khác mà tài sản chung của tổ hợp tác vẫn còn thì tài sản còn lại được chia cho các thành viên tổ hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp vào tổ hợp tác của mỗi thành viên theo quy định của hợp đồng hợp tác, trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các thành viên có thỏa thuận khác.

Phần thứ tư

CÁC TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN

Chương XII

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN, LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ

Điều 108. Tổ chức đại diện (Sửa đổi Điều 57 Luật HTX năm 2012)

Tổ chức đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác do các tổ chức kinh tế hợp tác tự nguyên thành lập nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tổ chức đại diện của tổ chức kinh tế hợp tác có thể được tổ chức theo ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ; được tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

Điều 109. Tổ chức liên minh hợp tác xã (Sửa đổi Điều 58 Luật HTX năm 2012)

1. Hệ thống liên minh hợp tác xã được tổ chức ở trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Ở trung ương là Liên minh hợp tác xã Việt Nam do Đại hội đại biểu các tổ chức kinh tế hợp tác trong cả nước thành lập, hoạt động theo các quy định của pháp luật về Hội.

Điều lệ của Liên minh hợp tác xã Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc các tổ chức kinh tế hợp tác thông qua và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là Liên minh hợp tác xã tỉnh, thành phố do các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn cấp tỉnh, thành phố thành lập

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

và hoạt động theo các quy định của pháp luật về Hội.

Điều lệ của Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh, thành phố được đại hội đại biểu các tổ chức kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh thông qua và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt.

Điều 110. Chức năng, nhiệm vụ của liên minh hợp tác xã (Bổ sung)

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên;

2. Tuyên truyền, vận động phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác;

3. Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho việc hình thành và phát triển của các tổ chức kinh tế hợp tác;

4. Thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công hỗ trợ phát triển hợp tác xã được giao;

5. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác;

6. Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

7. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện để liên minh hợp tác xã thực hiện các hoạt động được giao.

Phần thứ năm

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

Chương XIII

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

Điều 111. Nguyên tắc thực hiện chính sách hỗ trợ (Bổ sung)

1. Tôn trọng quy luật thị trường, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

3. Các chính sách hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác được thống nhất triển khai theo Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác.

4. Hoạt động hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước ở từng thời kỳ.

5. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với tổ chức kinh tế hợp tác không thấp hơn chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này

LawNet
Tiện ích văn bản luật

và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ chức kinh tế hợp tác chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ có lợi nhất.

7. Nguồn lực ngoài Nhà nước do các tổ chức, cá nhân tài trợ được thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân đó nhưng không được trái quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 112. Tiêu chí hỗ trợ (Bổ sung)

1. Tổ chức kinh tế hợp tác được nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ đối với tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân hoặc hợp đồng hợp tác đối với tổ hợp tác;

b) Có báo cáo kiểm toán không quá 12 tháng thời điểm đề xuất hỗ trợ;

c) Có giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác;

d) Đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau: phát triển số lượng thành viên; doanh thu của giao dịch nội bộ tăng lên; trích lập quỹ chung không chia hoặc phát triển tài sản chung không chia; thường xuyên giáo dục đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động lợi ích cộng đồng dân cư.

2. Ưu tiên cho tổ chức kinh tế hợp tác có nhiều thành viên hơn; có nhiều thành viên là người khuyết tật hơn; có nhiều thành viên là đồng bào dân tộc thiểu số hơn; có phụ nữ làm quản lý, có nhiều thành viên là nữ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ hơn; hoạt động thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của Nhà nước; có mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm b, c Khoản 1 Điều này.

Điều 113. Nguồn vốn hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác (Bổ sung)

1. Nguồn vốn tín dụng có hỗ trợ, bảo lãnh của Nhà nước;

2. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

3. Nguồn vốn hỗ trợ từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

4. Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Điều 114. Nội dung hỗ trợ (Bổ sung)

1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn:

a) Giáo dục đào tạo chuyên sâu hoặc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý, kỹ thuật, kế toán, kiểm toán cho cán bộ, lao động làm việc trong các tổ chức kinh tế hợp tác và cán bộ quản lý nhà nước và tư vấn viên trong lĩnh vực kinh tế tập thể;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng có cấp chứng chỉ về năng lực cho các đối tượng tham gia các hoạt động tư vấn, kiểm toán, quản lý, điều hành của các tổ chức kinh tế hợp tác;

c) Hỗ trợ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động có chất lượng cao làm việc tại các tổ chức kinh tế hợp tác.

d) Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc các hình thức trực tiếp để nâng cao nhận thức, kiến thức quản trị và sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế hợp tác.

đ) Người dân, các tổ chức kinh tế hợp tác được hỗ trợ thông tin, tư vấn về thủ tục thành lập mới, chuyển đổi từ tổ hợp tác sang hợp tác xã.

e) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, liên đoàn hợp tác xã, liên minh hợp tác xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Hỗ trợ tổ chức kinh tế hợp tác đổi mới sáng tạo, xây dựng các mô hình kinh tế tuần hoàn, nghiên cứu, thay đổi công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ;

b) Hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác chuyển đổi số trong sản xuất, quản trị sản xuất và lưu thông sản phẩm thông qua xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cung cấp thiết bị đầu cuối và các phần mềm, ứng dụng dùng chung.

c) Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử cho tổ chức kinh tế hợp tác và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đầu tư:

a) Hỗ trợ các tổ chức kinh tế hợp tác xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; hỗ trợ tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho các tổ chức kinh tế hợp tác; xây dựng, triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc hỗ trợ chi phí tham gia các sàn giao dịch điện tử có sẵn.

b) Các tổ chức kinh tế hợp tác được ưu tiên, hỗ trợ tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành, địa phương khi có nhu cầu phù hợp.

4. Hỗ trợ tín dụng, bảo hiểm:

a) Các tổ chức kinh tế hợp tác được vay vốn từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất ưu đãi. Ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) cấp bù chênh lệch lãi suất có thời hạn thông qua các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Các tổ chức kinh tế hợp tác được hỗ trợ cho vay ưu đãi, vay không cần tài sản bảo đảm từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các tổ chức tín dụng theo quy định.

c) Hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp cho các tổ chức kinh tế hợp tác.

5. Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất:

a) Tổ chức kinh tế hợp tác được Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thuê mặt bằng, quỹ đất công ích với giá ưu đãi để xây dựng các công trình: trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm.

b) Tổ chức kinh tế hợp tác thuê, thuê lại đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê mặt nước 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động. Tiền thuê đất, thuê mặt nước được xác định theo giá do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định, tính tại thời điểm tổ chức kinh tế hợp tác ký hợp đồng thuê.

c) Tổ chức kinh tế hợp tác nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất, hoặc thuê quyền sử dụng đất, mặt nước của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất, chế biến nông sản được Nhà nước hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu.

d) Tổ chức kinh tế hợp tác được Nhà nước tạo điều kiện bảo đảm về quỹ đất trong chu kỳ thực hiện dự án, trừ trường hợp phải thu hồi hoặc các trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất theo quy định tại Luật Đất đai.

6. Ưu đãi thuế, phí và lệ phí:

a) Các tổ chức kinh tế hợp tác được hưởng mức ưu đãi thuế, phí và lệ phí cao nhất so với các đối tượng khác.

b) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thặng dư từ giao dịch bên trong của tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân.

c) Miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu đối với tổ chức kinh tế hợp tác, thành viên chính thức của tổ chức kinh tế hợp tác khi tham gia liên kết với cá nhân, pháp nhân khác hình thành các chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vì mục tiêu phát triển bền vững.

d) Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị:

Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho các tổ chức kinh tế hợp tác bao gồm: trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, trung tâm giới thiệu sản phẩm; giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên; hạng mục xử lý chất thải; nhà ở cho thành viên là cá nhân và người lao động.

8. Hỗ trợ về kiểm toán:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

a) Nhà nước có chính sách hỗ trợ chi phí kiểm toán cho các đối tượng phải kiểm toán theo quy định Điều 96 Luật này. Thời gian hỗ trợ cho mỗi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân không quá 05 năm.

b) Nhà nước có chính sách hỗ trợ Liên minh hợp tác xã, Liên đoàn hợp tác xã về chi phí tư vấn, hỗ trợ xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ cho các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Thời gian hỗ trợ cho Liên minh hợp tác xã, Liên đoàn hợp tác xã không quá 05 năm.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 115. Phương thức hỗ trợ (Bổ sung)

1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Nhà nước được thực hiện thông qua các dự án đầu tư hoặc phi dự án. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và theo định mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Các khoản hỗ trợ bằng hiện vật hay tiền mặt được tính vào khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 36 tháng, kể từ khi Luật này có hiệu lực thi hành, Nhà nước phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác.

Điều 116. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã (Bổ sung)

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện các chức năng sau đây:

a) Thực hiện chức năng cho vay đối với các tổ chức kinh tế hợp tác, thành viên của các tổ chức kinh tế hợp tác;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

c) Ủy thác, nhận ủy thác; thực hiện hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư, đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định pháp luật.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở trung ương và Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

3. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chương XIV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ HỢP TÁC

Điều 117. Nội dung quản lý nhà nước (Sửa đổi Điều 59 Luật HTX năm 2012)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

1. Đưa ra định hướng, chiến lược và quy hoạch, kế hoạch xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác trên quy mô cả nước và ở từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về tổ chức kinh tế hợp tác và văn bản pháp luật có liên quan.

3. Xây dựng bộ máy và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ đối với tổ chức kinh tế hợp tác.

4. Tổ chức và hướng dẫn đăng ký và hoạt động tổ chức kinh tế hợp tác .

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với tổ chức kinh tế hợp tác; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức kinh tế hợp tác, của cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Hợp tác quốc tế về phát triển tổ chức kinh tế hợp tác.

7. Các hoạt động quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Điều 118. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước (Sửa đổi Điều 60 Luật HTX năm 2012)

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế hợp tác.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ quản lý nhà nước về các tổ chức kinh tế hợp tác.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế hợp tác.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh tế hợp tác trong phạm vi địa phương.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, chịu trách nhiệm thiết lập kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác các thông tin sau đây:

a) Thông tin về giấy chứng nhận đăng ký tổ chức kinh tế hợp tác, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho tổ chức kinh tế hợp tác và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức kinh tế hợp tác (nếu có);

b) Thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của tổ chức kinh tế hợp tác; báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế hợp tác;

c) Triển khai hướng dẫn kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ các tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật này.

d) Triển khai các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Chương XIII của Luật này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

7. Chính phủ quy định cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương có trách nhiệm thu hồi, xử lý, bàn giao tài sản chung không chia, quỹ chung không chia của tổ chức kinh tế hợp tác khi chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương XV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 119. Điều khoản thi hành (Sửa đổi Điều 60 Luật HTX năm 2012)

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm…..và thay thế Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13.

Điều 120. Quy định chuyển tiếp (Sửa đổi Điều 62 Luật HTX năm 2012)

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà tổ chức và hoạt động không trái với quy định của Luật này thì tiếp tục hoạt động và không phải đăng ký lại.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực mà tổ chức và hoạt động không phù hợp với quy định của Luật này thì phải đăng ký lại trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa là thành viên của liên minh hợp tác xã thì phải tham gia là thành viên của liên đoàn hợp tác xã hoặc liên minh hợp tác xã trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

4. Tổ hợp tác được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thuộc đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 103 Luật này phải thực hiện đăng ký theo quy định của Luật này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa …, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm …

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật